

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

SỔ TAY
HƯỚNG DẪN CHUNG VỀ HỆ GIÁ TRỊ XANH
TỈNH KHÁNH HÒA



LỜI GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh phát triển bền vững trở thành xu thế tất yếu của thế giới và Việt Nam, việc xây dựng, lan tỏa và thực hành “hệ giá trị xanh” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là định hướng chiến lược nhằm bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, mà còn là nền tảng để phát triển kinh tế – xã hội hài hòa, nâng cao chất lượng sống cho người dân.

Khánh Hòa – tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, vùng đất giàu tiềm năng về biển đảo, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp và công nghiệp – đang đứng trước cả thời cơ và thách thức trong tiến trình hội nhập và phát triển. Để hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững, tỉnh đã từng bước đưa “hệ giá trị xanh” vào các chiến lược, chính sách, quy hoạch và chương trình hành động, gắn kết với các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đời sống cộng đồng.

Cuốn *Sổ tay: Hướng dẫn chung về Hệ giá trị xanh tỉnh Khánh Hòa* được biên soạn nhằm cung cấp một tài liệu tham khảo ngắn gọn, dễ hiểu, trực quan và thực tiễn. Nội dung sổ tay giới thiệu khái niệm, nguyên tắc, phương pháp và công cụ triển khai hệ giá trị xanh, đồng thời đưa ra các ví dụ gắn với điều kiện thực tế của địa phương.

Chúng tôi hy vọng rằng, cuốn sổ tay này sẽ trở thành tài liệu hữu ích dành cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, thanh niên, học sinh – sinh viên và toàn thể nhân dân trong tỉnh. Thông qua đó, mỗi cá nhân và tập thể có thể hiểu rõ hơn, cùng chung tay thực hành, lan tỏa và phát huy hệ giá trị xanh trong công việc và cuộc sống thường để lan tỏa thông điệp “Mỗi hành động nhỏ – một giá trị xanh – vì một Khánh Hòa phát triển bền vững”, ngày càng xứng đáng là điểm sáng trong chiến lược phát triển xanh của Việt Nam.

Ban biên tập xin trân trọng cảm ơn các tổ chức, cá nhân, các chuyên gia, đã tham gia, đóng góp nhiều ý kiến bổ ích về bố cục và nội dung để cuốn Sổ tay được hoàn thiện. Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những thiếu sót, Ban biên tập rất mong nhận được sự góp ý từ các độc giả trong quá trình sử dụng để tiếp tục được hoàn thiện./.

Ban Biên tập

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	2
DANH MỤC HÌNH	4
DANH MỤC BẢNG	5
Phần 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ GIÁ TRỊ XANH	6
1. Khái quát chung về hệ giá trị xanh	6
2. Các khái niệm, định nghĩa liên quan đến “Hệ giá trị xanh”	7
3. Vai trò và lợi ích của hệ giá trị xanh đối với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường	14
4. Quan điểm, định hướng về phát triển bền vững dựa trên hệ giá trị xanh trong hệ thống chiến lược, chính sách của tỉnh Khánh Hòa	16
5. Cơ hội, thách thức, định hướng và giải pháp phát triển bền vững dựa trên hệ giá trị xanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	20
Phần 2: HỆ GIÁ TRỊ XANH VÀ ÁP DỤNG TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	34
1. Cách tiếp cận hệ giá trị xanh trong quản lý nhà nước	34
2. Cách thức sử dụng hệ giá trị xanh trong hoạt động chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường	35
<u>3. Tài chính, nhân lực trong chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh</u>	37
4. Khung quản trị rủi ro trong chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh	39
5. Các tiêu chí xác định dự án xanh, lĩnh vực xanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	45
Phần 3: ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO VÀ TRUYỀN THÔNG NÂNG CAO NHẬN THỨC HỆ GIÁ TRỊ XANH	50
1. Tại sao phải đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức về hệ giá trị xanh	50
2. Định hướng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi xanh	52
3. Nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức, điều chỉnh hành vi hướng tới hệ giá trị xanh trong phát triển bền vững	56
4. Phương pháp và hình thức truyền thông nâng cao nhận thức hướng tới hệ giá trị xanh trong phát triển bền vững tỉnh Khánh Hòa	69
5. Giải pháp huy động cộng đồng tham gia thực hiện hệ giá trị xanh, phát triển bền vững	70

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. MẪU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN XANH	77
Phụ lục 2. BẢNG ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DỰ ÁN VÀ LĨNH VỰC XANH	77
Phụ lục 3. KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ Ở VIỆT NAM	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO	79

DANH MỤC HÌNH

TT	Hình	Trang
1	Hình 1.1. Mô hình “Hệ giá trị xanh”	6
2	Hình 1.2. Kinh tế xanh xu hướng tất yếu	8
3	Hình 1.3. Sản xuất xanh, phương thức sản xuất giảm tác động tiêu cực đến môi trường	9
4	Hình 1.4. Tiêu dùng xanh: Từ hành động cá nhân đến trách nhiệm cộng đồng	11
5	Hình 1.5. Sử dụng bền vững nguồn tài nguyên	12
6	Hình 1.6. Tài chính xanh, tiền cho tương lai xanh	14
7	Hình 1.7. Sơ đồ tổng quát vai trò và lợi ích của hệ giá trị xanh	15
8	Hình 1.8. Lãnh đạo tỉnh bấm nút chung tay xây dựng Khánh Hòa trở thành điểm đến xanh bền vững	16
9	Hình 1.9. Thu hoạch tôm càng xanh trên đồng lúa hữu cơ	17
10	Hình 1.10. Phát triển hệ giá trị xanh, con đường tất yếu	19
11	Hình 1.11. Nhà trang hướng tới điểm đến xanh toàn diện	21
12	Hình 1.12. Di sản Tháp Poklong Garai hùng vĩ tại Phan Rang - Tháp Chàm	22
13	Hình 1.13. Khu kinh tế Vân Phong, Khánh Hòa	24
14	Hình 1.14. Đô thị xanh, mục tiêu của phát triển bền vững	26
15	Hình 1.15. Cánh đồng điện gió kết hợp điện mặt trời ở Ninh Thuận.	28
16	Hình 1.16. Xu hướng NetZero chống biến đổi khí hậu	30
17	Hình 1.17. Nông nghiệp xanh, hướng đi tất yếu đối với Khánh Hòa	32
18	Hình 2.1. Chuyển đổi xanh trong doanh nghiệp, con đường tất yếu	35
19	Hình 2.2. Tài chính xanh thúc đẩy phát triển tăng trưởng xanh	37
20	Hình 2.3. Ma trận “Tài chính – Nhân lực – Giải pháp” trong hệ giá trị xanh	38

TT	Hình	Trang
21	Hình 2.4. Khung quản trị rủi ro khi thực hiện hệ giá trị xanh	39
22	Hình 2.5. Sơ đồ các rủi ro khi thực hiện hệ giá trị xanh	40
23	Hình 2.6. Quản trị rủi ro trong phát triển xanh	42
24	Hình 2.7. Trái phiếu xanh, trụ cột của hệ thống tài chính xanh	44
35	Hình 2.8. Chiến lược hướng tới phát triển xanh của tỉnh Khánh Hòa	46
26	Hình 2.9. Ninh Chữ - Tiềm năng thu hút du lịch tại Ninh Chữ, góp phần tăng trưởng dịch vụ - du lịch của tỉnh	48
27	Hình 2.10. Ma trận giải pháp thúc đẩy “Hệ giá trị xanh” tại tỉnh Khánh Hòa	49
28	Hình 3.1. Sơ đồ giải pháp quản lý chất thải bền vững theo hệ giá trị xanh	51
29	Hình 3.2. Sơ đồ định hướng đào tạo nguồn nhân lực xanh	54
30	Hình 3.3. Sơ đồ nguyên tắc nâng cao nhận thức cộng đồng hệ giá trị xanh	57
31	Hình 3.4. Tuyên truyền về liên kết để phát triển bền vững	58
32	Hình 3.5. Làm gạch sinh thái từ chai nhựa	64
33	Hình 3.6. Diễn đàn Hội nghị lối sống xanh trong giới trẻ Việt Nam	65
34	Hình 3.7. Họp bàn tổ dân phố về lối sống xanh	69
35	Hình 3.8. Thúc đẩy phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn	71
36	Hình 3.9. Thông điệp truyền thông phát triển kinh tế tuần hoàn góp phần thúc đẩy phát triển xanh	72

DANH MỤC BẢNG

TT	Bảng	Trang
1	Hình 3.1. Ma trận phương pháp truyền thông hiệu quả	71
2	Hình 3.2. Ma trận hình thức – phương pháp – đối tượng truyền thông hệ giá trị xanh	72

Phần 1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ GIÁ TRỊ XANH

1. Khái quát chung về hệ giá trị xanh

Trong bối cảnh suy thoái tài nguyên, mất cân bằng sinh thái, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên và áp lực phát triển bền vững, các quốc gia trên thế giới đang dần chuyển dịch sang mô hình phát triển mới dựa trên “Hệ giá trị xanh”.

Hệ giá trị xanh được hiểu là tập hợp các giá trị, quan điểm, nguyên tắc, chuẩn mực và ưu tiên định hướng vận hành nền kinh tế – xã hội theo hướng bền vững dựa trên sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế – tiến bộ công bằng xã hội – bảo vệ môi trường phù hợp xu thế phát triển bền vững toàn cầu.



Hình 1.1. Mô hình “Hệ giá trị xanh”

Hệ giá trị xanh đề cao, nhấn mạnh đến việc:

- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên
- Giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ hệ sinh thái
- Khuyến khích, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, công nghệ sạch và năng lượng tái tạo.

- Đảm bảo trách nhiệm, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng theo hướng bền vững.

Các yếu tố, thành phần trong “Hệ giá trị xanh” có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành một chỉnh thể bao gồm: Kinh tế xanh (Green Economy), Phát triển xanh (Planning), Sản xuất xanh (Green production), Tăng trưởng xanh (Green growth), Tiêu dùng xanh (Green consumption), Tài chính xanh (Green Finance) và quản trị/hành động xanh (Go green). Đây là hệ giá trị nền tảng giúp định hình chiến lược phát triển bền vững, trong đó các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, đầu tư và quản trị đều hướng đến giảm thiểu phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hệ giá trị xanh đóng vai trò như kim chỉ nam cho các quốc gia, doanh nghiệp và cộng đồng trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đảm bảo vừa phát triển kinh tế, vừa gìn giữ môi trường và hệ sinh thái.

Tại Việt Nam, khái niệm “Hệ giá trị xanh” được thể chế hóa thông qua Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (2012, điều chỉnh 2021), các chính sách về năng lượng tái tạo, tài chính xanh, kinh tế tuần hoàn, tiêu dùng bền vững và các phong trào xã hội về hành động xanh.

2. Các khái niệm, định nghĩa liên quan đến “Hệ giá trị xanh”

(1). Kinh tế xanh (Green Economy)

Theo Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP, 2011): “Kinh tế xanh là nền kinh tế đem lại hạnh phúc con người và công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu rủi ro môi trường và suy thoái sinh thái. Nói một cách đơn giản, kinh tế xanh là nền kinh tế ít phát thải các-bon, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bao trùm về mặt xã hội”.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, 2011) định nghĩa: “Kinh tế xanh là công cụ để đạt được tăng trưởng xanh, hướng tới tăng trưởng kinh tế và phát triển đồng thời đảm bảo rằng tài sản thiên nhiên tiếp tục cung cấp các tài nguyên và dịch vụ môi trường thiết yếu cho cuộc sống.”; Ủy ban Kinh tế - Xã hội khu vực Châu Á – Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc (UNESCAP, 2012) cho rằng: “Kinh tế xanh là nền kinh tế lấy con người làm trung tâm, thúc đẩy tăng trưởng và cải thiện phúc lợi con người thông qua đầu tư xanh, cơ sở hạ tầng xanh, tiêu dùng và sản xuất bền vững, đồng thời duy trì các dịch vụ hệ sinh thái”.

Ở Việt Nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2012) thì “Kinh tế xanh được hiểu là nền kinh tế tăng trưởng dựa trên việc giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu

quả sử dụng tài nguyên và đảm bảo công bằng xã hội”. Đây là định hướng quan trọng để Việt Nam thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia.

Hiểu một cách đơn giản, kinh tế xanh là mô hình kinh tế ít phát thải các-bon, tiết kiệm tài nguyên nhằm nâng cao phúc lợi con người và công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu rủi ro môi trường, đa dạng sinh học, khan hiếm tài nguyên và bảo vệ môi trường.



Hình 1.2. Kinh tế xanh xu hướng tất yếu

Kinh tế xanh nhấn mạnh ba trụ cột chính:

(i). Hiệu quả kinh tế (tăng trưởng, việc làm, năng suất); Kinh tế xanh hướng tới hiệu quả tăng trưởng kinh tế nhưng sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, thúc đẩy việc làm xanh;

(ii). Bền vững môi trường (giảm phát thải khí nhà kính, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái),

(iii). Công bằng xã hội (bao trùm, phúc lợi, xóa đói giảm nghèo và sinh kế bền vững).

(2). Phát triển xanh (Green Development)

Phát triển xanh là định hướng quá trình phát triển kinh tế – xã hội gắn với bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên, ứng phó biến đổi khí hậu, đảm bảo công bằng và nâng cao chất lượng sống

- Phát triển xanh dựa trên nguyên tắc phát triển bền vững, trong đó nhấn mạnh tới các hoạt động phát triển phải bảo đảm sự hài hòa giữa bảo tồn hệ sinh thái với sử dụng hợp lý tài nguyên, ứng phó biến đổi khí hậu; giữa phát triển kinh tế và bảo vệ thiên nhiên môi trường.

- Có thể nói: Biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp và khó lường, gây mất cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, do đó phát triển xanh chính là xu hướng tất yếu, con đường dẫn đến mục tiêu của kinh tế xanh, còn kinh tế xanh là kết quả/mô hình mong muốn đạt được.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050 nhấn mạnh tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng xanh; Quy hoạch điện VIII (2023) thúc đẩy tăng tỷ trọng điện gió, điện mặt trời và giảm nhiệt điện than; Xây dựng các đô thị xanh: Ecopark (Hưng Yên), Phú Mỹ Hưng (TP.HCM), chú trọng

không gian xanh, hệ thống xử lý nước thải và tiện ích thân thiện môi trường,...là những minh chứng hiện hữu cho phát triển xanh.

(3). Sản xuất xanh (Green Production)

Sản xuất xanh hay sản xuất bền vững là phương thức sản xuất áp dụng công nghệ sạch thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên từ khâu thiết kế, lựa chọn nguyên vật liệu đến sản xuất, phân phối và tái chế, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong suốt vòng đời của sản phẩm. Không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ môi trường, sản xuất xanh kết hợp với các nguyên tắc kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững và đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của người tiêu dùng và cộng đồng toàn cầu.

Với mục tiêu cuối cùng là tạo ra dấu chân các-bon (các-bon footprint) nhỏ trên trái đất, sản xuất xanh được xây dựng trên ba nguyên tắc chính: Tối ưu hóa tài nguyên; Giảm thiểu ô nhiễm và Thúc đẩy sự bền vững xã hội bằng cách chú trọng đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), đảm bảo các điều kiện lao động công bằng và mang lại giá trị tích cực cho cộng đồng.



Hình 1.3. Sản xuất xanh, phương thức sản xuất giảm tác động tiêu cực đến môi trường

(4). Tăng trưởng xanh (Green Growth)

Theo Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP, 2008): “Tăng trưởng xanh là quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và hạ tầng nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, lao động và tài chính. Đồng thời, nó giúp giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên, giảm chất thải và bất bình đẳng xã hội. Đây không chỉ đơn thuần là tích hợp yếu tố môi trường vào phát triển kinh tế mà còn nhấn mạnh sự cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường”. Ngân hàng Thế

giới (World Bank, 2011) định nghĩa: “Tăng trưởng xanh là mô hình phát triển đảm bảo sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm ô nhiễm và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường”.

Tại Việt Nam, khái niệm tăng trưởng xanh được chính thức đề cập trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (2012, điều chỉnh năm 2021, Quyết định 1658/QĐ-TTg). Theo đó, “Tăng trưởng xanh là quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được phát triển kinh tế hiệu quả, bền vững và thân thiện môi trường”; “Tăng trưởng xanh hướng đến nâng cao hiệu suất sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên cho tăng trưởng kinh tế, giảm phát thải KNK, tăng sức cạnh tranh và sức chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc bên ngoài có tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế”. Đây là cách tiếp cận thực tế và linh hoạt để thực hiện hai trụ cột kinh tế và môi trường của phát triển bền vững, đồng thời quan tâm thích đáng đến khía cạnh xã hội trong quá trình xanh hóa các hoạt động kinh tế.

Như vậy, tăng trưởng xanh là một mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên đổi mới công nghệ gắn liền với việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ hệ sinh thái và nâng cao năng suất lao động. Tăng trưởng xanh không chỉ duy trì tốc độ tăng GDP mà còn đảm bảo chất lượng phát triển bền vững; đây là sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, coi đổi mới sáng tạo, khoa học – công nghệ là động lực chính.

(5). Tiêu dùng xanh (Green Consumption)

Tiêu dùng xanh là thuật ngữ được (Halpenny, 2006) sử dụng để mô tả hành vi lựa chọn việc mua và sử dụng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường có nguồn gốc tự nhiên, không gây hại cho sức khỏe con người và hệ sinh thái, nhằm hướng tới phát triển bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Hay tiêu dùng xanh là quá trình tiêu thụ sản phẩm tốt và mang lại lợi ích cho môi trường (Mostafa, 2007); Là sự nỗ lực giảm thiểu tác động gây hại tới môi trường của người tiêu dùng trong quá trình mua hàng, sử dụng và loại bỏ, đồng thời vẫn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và đảm bảo chất lượng cuộc sống (Raukoff và Wu, 2013).

Những người tiêu dùng mua sản phẩm xanh, dịch vụ xanh hoặc thực hiện các hành vi thân thiện với môi trường, bảo vệ môi trường được định nghĩa là người tiêu dùng xanh, họ là những người có xu hướng sẵn sàng tiếp thu những cái mới vì vậy họ có xu hướng tiêu dùng sản phẩm xanh (Shamdasani và cộng sự, 1993).

Như vậy, tiêu dùng xanh được hiểu là một phần của tiêu dùng bền vững, xu hướng tất yếu trên thế giới, đây là một trong những yếu tố then chốt trong tăng

trường xanh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Hành vi này bao gồm việc ưu tiên các sản phẩm “xanh” trong tiêu dùng bao gồm các sản phẩm hữu cơ, các ngành hàng như đồ gia dụng, thực phẩm, mỹ phẩm,... an toàn với sức khỏe, tái sử dụng đồ dùng, phân loại chất thải; Ngoài ra, các sản phẩm “xanh” này còn bao gồm các yếu tố như quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, không chứa hóa chất độc hại. Hoặc những sản phẩm đó giúp cho mỗi người trở thành người tiêu dùng xanh tiết kiệm năng lượng và tài nguyên khác. Người tiêu dùng xanh không chỉ quan tâm đến giá trị sử dụng của sản phẩm mà còn chú trọng đến tác động của sản phẩm đến môi trường và xã hội của sản phẩm trong suốt vòng đời của sản phẩm.

Nguyên tắc tiêu dùng xanh: Các nguyên tắc của người tiêu dùng xanh bao gồm:

(i). Tính cần thiết: Bước đầu tiên trước khi mua sắm, cân nhắc kỹ xem sản phẩm hay dịch vụ có cần thiết hay không, tránh mua những gì không cần thiết. Nếu khả năng tài chính cho phép, khi mua đồ điện gia dụng mới, hãy chọn loại tiết kiệm năng lượng (điện, nước, nguyên vật liệu). Việc sửa chữa hay thay đổi cũng nên được cân nhắc đối với các sản phẩm đang được sử dụng. Bên cạnh đó, cần nghĩ kỹ trước khi mua bất kỳ đồ đạc, đồ đạc nào cần thiết thì mua sắm trước; giải pháp thuê hoặc cho thuê cũng nên được xem xét ưu tiên hoặc mua các sản phẩm mới với số lượng vừa đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng.



Hình 1.4. Tiêu dùng xanh: Từ hành động cá nhân đến trách nhiệm cộng đồng

(ii). Vòng đời của sản phẩm: Khi quyết định mua, các tác động khác nhau tới môi trường trong suốt vòng đời của sản phẩm, từ giai đoạn thu mua nguyên liệu thô cho tới khi sản phẩm bị thải bỏ, cần phải xem xét và cân nhắc đến một số các đặc tính sau:

- Giảm thiểu các chất độc hại. Người tiêu dùng có thể góp phần giảm thiểu phát sinh các chất có hại bằng cách lựa chọn các sản phẩm thân thiện môi trường hay những sản phẩm chứa ít các chất độc hại. Điều này sẽ khuyến khích các nhà sản xuất loại bỏ việc sử dụng các chất gây hại đến môi trường và sức khỏe con người trong quá trình sản xuất sản phẩm hay dịch vụ.

- Sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng. Khuyến khích người tiêu dùng mua các sản phẩm tiết kiệm tài nguyên và năng lượng.

- Sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên. Người tiêu dùng nên chọn những sản phẩm sử dụng tài nguyên thiên nhiên tái tạo một cách bền vững, theo đó các tài nguyên tái tạo phải được sử dụng hiệu quả để giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường.



Hình 1.5. Sử dụng bền vững nguồn tài nguyên

- Tăng độ bền. Người tiêu dùng nên lựa chọn các sản phẩm có tuổi thọ sử dụng lâu dài. Ngoài ra, trước khi mua sản phẩm, người tiêu dùng cũng nên cân nhắc đến việc sử dụng các bộ phận thay thế, khả năng sửa chữa và thời gian bảo trì. Nên tránh mua sản phẩm có yêu cầu thay thế các bộ phận quá thường xuyên.

- Thiết kế để tái sử dụng. Người tiêu dùng nên lựa chọn những sản phẩm có thể tái sử dụng mà không cần phải sản xuất lại cho cùng mục đích sử dụng. Điều này sẽ làm giảm đáng kể gánh nặng cho môi trường.

- Thiết kế để tái chế. Giải pháp tốt nhất cho những sản phẩm khi không thể sử dụng tiếp là tái chế. Trước khi quyết định mua một sản phẩm, người tiêu dùng cũng nên cân nhắc hệ thống thu hồi và tái chế sẵn có cho những vật liệu đó.

- Sản phẩm có chứa vật liệu tái chế. Sản phẩm có chứa các vật liệu tái chế hoặc những bộ phận có thể tái sử dụng sẽ góp phần tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu phát sinh chất thải.

- Tính thải bỏ. Với những sản phẩm không thể sử dụng nhiều lần hoặc tái chế, người tiêu dùng nên chọn sản phẩm cho phép dễ dàng xử lý và thải bỏ nhằm giảm tối đa các tác động xấu đến môi trường.

(iii). Nỗ lực của nhà cung ứng: Ngoài việc đánh giá sản phẩm, người tiêu dùng cũng cần đánh giá những hoạt động bảo vệ môi trường của nhà cung ứng như: Liệu doanh nghiệp có áp dụng chính sách môi trường không? Có triển khai các biện pháp quản lý môi trường phù hợp hay không? Hoặc họ có tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường không?

(iv). Thu thập thông tin về môi trường: Trước khi quyết định mua một sản phẩm, những thông tin môi trường mà người tiêu dùng nên quan tâm như nhãn môi trường, thông tin của doanh nghiệp trên sản phẩm hoặc website. Ngoài ra, người tiêu dùng cũng có thể yêu cầu nhà phân phối cung cấp các thông tin chi tiết hơn về môi trường của sản phẩm đó.

(6). Tài chính xanh (Green Finance)

Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP): “Tài chính xanh là toàn bộ các hoạt động huy động và phân bổ nguồn vốn từ các tổ chức tài chính doanh nghiệp và phi lợi nhuận, cá nhân (ngân hàng, đầu tư, tín dụng, bảo hiểm, chứng khoán,...) nhằm cung cấp, hỗ trợ nguồn vốn cho các dự án xanh có tác động tích cực giúp giảm phát thải ô nhiễm, khí thải nhà kính và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, hướng đến phát triển bền vững”; “Tài chính xanh, một xu hướng quan trọng trong hệ thống tài chính toàn cầu, tập trung vào việc hướng dòng vốn vào các hoạt động kinh doanh bền vững, thân thiện với môi trường” (OECD, 2017). Ngoài ra, tài chính xanh còn được định nghĩa là “Những hỗ trợ về tài chính hướng đến tăng trưởng xanh thông qua việc cắt giảm khí phát thải nhà kính và ô nhiễm môi trường một cách có ý nghĩa” (Chowdhury và cộng sự, 2013).

Đây là một trong những công cụ quan trọng nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs) của Liên Hợp Quốc (UNEP, 2016). Các hoạt động tài chính xanh bao gồm: Đầu tư vào trái phiếu xanh, tín dụng xanh, quỹ đầu tư bền vững và các

sản phẩm tài chính hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường (Zhang và cộng sự, 2019).

Tại Việt Nam, tài chính xanh đóng vai trò là kênh dẫn vốn và điều tiết nguồn lực, tiền đề trong việc triển khai chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, hướng tới sự phát triển bền vững, ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Nói một cách đơn giản, tài chính xanh là "tiền cho tương lai xanh". thay vì rót vốn vào những dự án gây ô nhiễm, khai thác tài nguyên cạn kiệt, tài chính xanh sẽ ưu tiên hỗ trợ các hoạt động thân thiện với môi trường như năng lượng tái tạo, sản xuất xanh, bảo vệ rừng, ứng phó biến đổi khí hậu,...



Hình 1.6. Tài chính xanh, tiền cho tương lai xanh

(7). Hành động xanh (Go Green)

Hành động xanh là thuật ngữ chỉ những việc làm cụ thể, thiết thực của cá nhân, tổ chức và cộng đồng nhằm thúc đẩy thay đổi hành vi, lối sống trong sinh hoạt hàng ngày theo hướng bền vững và thân thiện môi trường như: Tiết kiệm năng lượng, điện, nước, giảm thiểu phân loại chất thải tại nguồn, trồng cây xanh, làm sạch khu vực cộng đồng, giảm sử dụng phương tiện gây ô nhiễm, phát triển các mô hình công nghiệp, cộng đồng xanh,...

Đây là giá trị nền tảng để hiện thực hóa các mục tiêu kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, phát triển xanh. Hành động xanh được coi là "mắt xích" quan trọng biến chính sách và chiến lược thành thực tiễn.

3. Vai trò và lợi ích của hệ giá trị xanh đối với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

(1). Đối với phát triển kinh tế

- Thúc đẩy tăng trưởng bền vững: Giúp dịch chuyển từ mô hình “tăng trưởng nâu” dựa trên khai thác tài nguyên sang “tăng trưởng xanh” dựa trên đổi mới, sáng tạo, và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Tiết kiệm chi phí dài hạn: Ứng dụng công nghệ sạch, sản xuất xanh giảm chi phí năng lượng, nguyên vật liệu, xử lý chất thải.

- Nâng cao sức cạnh tranh: Sản phẩm/dịch vụ xanh dễ dàng tiếp cận thị trường quốc tế, phù hợp các tiêu chuẩn môi trường và cam kết giảm phát thải (như CBAM, ESG).

- Thu hút đầu tư và tài chính xanh: Hệ giá trị xanh khuyến khích nguồn vốn từ quỹ môi trường, quỹ các-bon, tín dụng xanh, tạo cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực tài chính bền vững.

(2). Đối với phát triển xã hội

- Cải thiện chất lượng cuộc sống: Giảm ô nhiễm không khí, nước, rác thải nhựa → nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Tạo việc làm xanh: Hình thành các ngành nghề mới (năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái, công nghệ môi trường).

- Thúc đẩy công bằng xã hội: Hệ giá trị xanh hướng tới tiêu dùng bền vững, hỗ trợ nhóm yếu thế tiếp cận dịch vụ thiết yếu (nước sạch, năng lượng sạch, giao thông công cộng).

- Nâng cao nhận thức, văn hóa xanh: Góp phần hình thành lối sống xanh, trách nhiệm xã hội và đạo đức sinh thái trong cộng đồng.

(3). Đối với bảo vệ môi trường

- Giảm phát thải và ô nhiễm: Khuyến khích sản xuất sạch hơn, năng lượng tái tạo, tiêu dùng tiết kiệm, qua đó giảm khí nhà kính và chất thải.

- Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên: Sử dụng tiết kiệm đất, nước, rừng, khoáng sản; tăng hiệu quả tái chế, tái sử dụng.

- Thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu: Phát triển đô thị xanh, nông nghiệp sinh thái, giao thông các-bon thấp.

- Duy trì cân bằng sinh thái: Bảo vệ đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo nền tảng cho sự sống và sản xuất lâu dài.



Hình 1.7. Sơ đồ tổng quát vai trò và lợi ích của hệ giá trị xanh

Tóm lại: Hệ giá trị xanh vừa là động lực thúc đẩy kinh tế bền vững, vừa là cơ sở nâng cao chất lượng đời sống xã hội, đồng thời là công cụ bảo vệ và phục hồi môi trường. Đây chính là chìa khóa để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và cam kết quốc tế về khí hậu, phù hợp với định hướng của Việt Nam đến năm 2050.

4. Quan điểm, định hướng về phát triển bền vững dựa trên hệ giá trị xanh trong hệ thống chiến lược, chính sách của tỉnh Khánh Hòa.

Phát triển bền vững không chỉ là quan điểm phát triển xuyên suốt của Đảng mà còn là triết lý sống của người Việt Nam nói chung và Khánh Hòa nói riêng từ xưa đến nay. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 định hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.



Hình 1.8. Lãnh đạo tỉnh bấm nút chung tay xây dựng Khánh Hòa trở thành điểm đến xanh bền vững

Tại Khánh Hòa, quan điểm, định hướng phát triển bền vững dựa trên hệ giá trị xanh không chỉ được nêu trong các Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh qua các thời kỳ mà còn được Khánh Hòa cụ thể hóa bằng các Chương trình, kế hoạch hành động như: Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 21/12/2020 của Tỉnh ủy Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 23/02/2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Văn bản số 171/KH-TU ngày 24/11/2023 của Tỉnh ủy Khánh Hòa triển khai Kế hoạch xây dựng “Đề án chuyển đổi xanh tỉnh Khánh Hòa” xác định 6 lĩnh vực trọng tâm trong chuyển đổi xanh của tỉnh là: (1) Nông nghiệp xanh; (2) Công nghiệp xanh; (3) Du lịch xanh; (4) Đô thị xanh; (5) Giao thông xanh; (6) Lối sống xanh; Đây là những văn bản thể hiện rõ quan điểm, định hướng chỉ đạo quan trọng để Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Kế hoạch hành động số 10282/KH-UBND ngày 5/10/2023 về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh phê duyệt “Đề án Chuyển đổi xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024 - 2030”,....;



Hình 1.9. Thu hoạch tôm càng xanh trên đồng lúa hữu cơ

Theo kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27/2/2025 của Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 24/4/2025), nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2030, tỉnh Khánh Hòa sẽ tập trung phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan Trung ương triển khai các nhóm nhiệm vụ trọng tâm được quy định tại Nghị quyết 37/NQ-CP. Đồng thời, tỉnh chủ động thực hiện các nhóm nhiệm vụ cụ thể thuộc thẩm quyền, bao gồm: Hoàn thiện quy hoạch; phát triển hạ tầng ven biển, biển và hải đảo; phát triển kinh tế biển theo hướng xanh, tuần hoàn, các-bon thấp; bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học biển; phát triển khoa học công nghệ, nguồn nhân lực biển và hải đảo; kế hoạch sử dụng đất ven biển và trên đảo. Đáng chú ý, về phát triển kinh tế biển theo hướng xanh và các-bon thấp, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở ngành và các địa phương có biển triển khai hiệu quả Đề án thí điểm nuôi biển công nghệ cao tại Khánh Hòa - đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 24/01/2025 và UBND tỉnh cụ thể hóa tại Kế hoạch số 1884/KH-UBND. Đặc biệt, UBND tỉnh Khánh Hòa yêu cầu các địa phương có biển đẩy mạnh phát triển các đảo theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn, carbon thấp, có khả năng chống chịu cao trước biến đổi khí hậu, đồng thời gắn kết với đảm bảo quốc phòng, an ninh biển đảo.

Xác định hệ giá trị xanh là định hướng xuyên suốt trong quá trình phát triển, bao gồm: kinh tế xanh, phát triển xanh, sản xuất và tiêu dùng xanh, tài chính xanh và hành động xanh,... “Đề án chuyển đổi xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024 – 2030” đặt ra mục tiêu rất rõ ràng cụ thể đến năm 2030 đưa Khánh Hòa trở thành

đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á, các mục tiêu đó là: xây dựng nền kinh tế phát triển hài hòa giữa tăng trưởng với bảo vệ môi trường, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp thông minh và tuần hoàn; khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên biển, ven bờ; thúc đẩy du lịch sinh thái, dịch vụ chất lượng cao gắn với bảo tồn thiên nhiên – văn hóa; hình thành hệ thống tài chính xanh, ưu tiên nguồn lực cho dự án hạ tầng và công nghệ sạch. Mọi hoạt động phát triển phải bảo đảm hài hòa giữa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường, hướng đến xây dựng Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế biển bền vững của cả nước và khu vực; Phát triển xanh và bền vững thông qua giảm phát thải khí nhà kính, xanh hóa các ngành kinh tế, tăng cường khả năng chống chịu, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững, xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, năng lực chống chịu; thuộc top 10 cả nước về chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh theo bảng xếp hạng Chỉ số xanh cấp tỉnh (Mục 1 Điều 1, Quyết định số 2690/QĐ-UBND). Mục tiêu của quá trình này là mang lại lợi ích thiết thực cho chính quyền và người dân Khánh Hòa.

Đề án cũng đề ra các giải pháp cụ thể để phát triển hệ giá trị xanh trong đó nhấn mạnh:

- Phát triển xanh là con đường tất yếu, phương thức quan trọng để thực hiện phát triển bền vững, duy trì tài nguyên, đóng góp trực tiếp vào giảm phát thải khí nhà kính để hướng tới nền kinh tế trung hòa các-bon trong dài hạn.

- Lấy con người làm trung tâm, giúp giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của con người trước biến đổi khí hậu; khuyến khích lối sống có trách nhiệm của từng cá nhân đối với cộng đồng và xã hội, định hướng thế hệ tương lai về văn hóa sống xanh, hình thành xã hội văn minh, hiện đại hài hòa với thiên nhiên và môi trường.

- Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi xanh trong các ngành trọng yếu mà tỉnh có lợi thế bao gồm: Du lịch xanh, Công nghiệp xanh, Nông nghiệp xanh, Hạ tầng xanh, Giao thông xanh và Lối sống xanh.

- Xây dựng một chiến lược phát triển toàn diện, có khả năng cân bằng giữa tăng trưởng nhanh và ổn định, giữa khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường, giữa thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển doanh nghiệp địa phương dựa trên cơ sở thực tiễn và cơ sở khoa học, các phương pháp tính toán định lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam nói chung và tỉnh Khánh Hòa nói riêng, đảm bảo tính khả thi của Đề án.



Hình 1.10. Phát triển hệ giá trị xanh, con đường tắt yếu

- Thực hiện phát triển xanh trên cơ sở dẫn dắt chặt chẽ với các chương trình, quy hoạch, kế hoạch và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cũng như hệ thống văn bản chính sách của tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050. Sự phối hợp liên ngành, liên cấp, có sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp, nhà khoa học và tổ chức quốc tế.

- Các mục tiêu tăng trưởng xanh dựa vào tiềm năng, năng lực, nỗ lực của toàn dân và bộ máy chính quyền của tỉnh, nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học công nghệ tiên tiến, phù hợp với bối cảnh quốc tế và điều kiện trong nước.

- Bảo đảm minh bạch, có tiêu chí kiểm chứng, gắn trách nhiệm giải trình của các cơ quan quản lý và doanh nghiệp thông qua công cụ nhãn xanh, báo cáo ESG, hệ thống giám sát – đánh giá.

- Định hướng đầu tư vào công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, kết cấu hạ tầng thông minh và bền vững; tạo động lực để đầu tư tư nhân đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế xanh.

- Tăng trưởng xanh là tiền đề để hiện thực hóa các Nghị quyết, kế hoạch của tỉnh và thực hiện các quy định của pháp luật góp phần thực hiện các mục tiêu quốc gia, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5. Cơ hội, thách thức, định hướng và giải pháp phát triển bền vững dựa trên hệ giá trị xanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

a). Cơ hội phát triển bền vững dựa trên hệ giá trị xanh

Khánh Hòa, trung tâm kinh tế biển của cả nước đang đứng trước nhiều thời cơ vàng chuyên sang phát triển hệ giá trị xanh (dựa vào lợi thế du lịch, vị trí địa lý,

nguồn lực đầu tư) bao gồm: kinh tế xanh, sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, tài chính xanh, xã hội xanh.

(1). *Du lịch sinh thái biển đảo và nghỉ dưỡng - Động lực tăng trưởng*: Sở hữu các hệ sinh thái biển đảo đẹp, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, Khánh Hòa (đặc biệt tại Nha Trang) là điểm đến du lịch lớn, có tiềm năng chuyển đổi sang du lịch xanh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường - Làm tăng giá trị gia tăng, kéo dài mùa vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh. Khánh Hòa hiện có gần 500 km đường bờ biển (dài nhất Việt Nam), gần 200 đảo lớn, nhỏ ven bờ và trên 100 đảo, bãi đá ngầm thuộc quần đảo Trường Sa; các vịnh biển nổi tiếng như Vân Phong, Nha Phu, Cù Huân, Vĩnh Hy và vịnh Cam Ranh. Tuyến ven biển trải dài từ Cam Ranh đến Cà Ná không chỉ là lợi thế tự nhiên mà còn là “tài sản chiến lược” để tỉnh Khánh Hòa phát triển mạnh kinh tế biển, du lịch, dịch vụ du lịch, hàng hải, nuôi biển công nghệ cao và logistics,...

Miền bờ biển bị đứt gãy tạo ra vùng lý tưởng nổi tiếng cho du lịch vì có nhiều bãi tắm đẹp, cát trắng, nước biển trong xanh, không có các loài cá dữ và dòng nước xoáy ngầm. Các Vịnh thuộc tỉnh đều là các điểm đến lý tưởng cho khách du lịch. Vịnh Nha Trang với 19 hòn đảo lớn, nhỏ với nhiều cảnh quan thiên nhiên độc đáo. Hòn Mun có rạn san hô gồm 350 loại, chiếm 40% chủng loại san hô trên thế giới. Hòn Miếu có sinh vật biển lạ, Hòn Tre rộng hơn 3.000 ha có bãi tắm thiên nhiên đẹp nhất Việt Nam. Nha Trang có thương hiệu toàn cầu về 1 trong 29 vịnh biển đẹp nhất thế giới, có tiềm năng lớn trong phát triển các loại hình du lịch: nghỉ dưỡng, lặn ngắm san hô; sinh thái; văn hóa – lịch sử; kết hợp hội nghị triển lãm; sức khỏe; thể thao. Vịnh Vân Phong là một trong những vùng vịnh có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái hàng đầu châu Á theo đánh giá của nhiều chuyên gia Liên Hợp Quốc và các nhà nghiên cứu đầu tư phát triển. Chuyên gia của các tổ chức như Hiệp hội Du lịch Thế giới (UNWTO), Chương trình Phát triển du lịch của Liên Hợp Quốc (UNDP) và Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch Việt Nam (IRDT) đều công nhận Vịnh Vân Phong là địa điểm lý tưởng cho phát triển du lịch. Trong báo cáo dự án VIE89/003, OMT đã mô tả rằng Bán đảo Vịnh Vân Phong nổi bật là một trong những điểm nghỉ dưỡng đẹp nhất khu vực Châu Á và Viễn Đông, thậm chí còn hấp dẫn hơn Phuket (Thái Lan) và có thể sánh ngang với các bãi biển đẹp ở Sierra Leone (châu Phi).



Hình 1.11. Nha trang hướng tới điểm đến xanh toàn diện

Ngoài ra, khu du lịch Mũi Đại Lãnh thuộc vịnh này cũng được xếp vào danh sách các điểm du lịch quốc gia trọng điểm. Vịnh Cam Ranh được biết đến với vẻ đẹp hoang sơ và bình yên, là một trong những điểm đến hấp dẫn du lịch hàng đầu với hàng trăm bãi tắm tự nhiên. Bãi biển dài với làn nước trong xanh và cát trắng mịn tạo nên khung cảnh lý tưởng cho những kỳ nghỉ dưỡng. Vịnh Cam Ranh không chỉ thu hút khách du lịch bởi phong cảnh thiên nhiên đẹp đẽ mà còn bởi khí hậu ôn hòa quanh năm, thích hợp cho các hoạt động ngoài trời như lặn biển, chèo thuyền kayak, và tham gia các tour tham quan biển. Cam Ranh là nơi có cảng nước sâu tốt nhất Đông Nam Á, rất thích hợp cho các tàu du lịch lớn ghé thăm. Vịnh được bao bọc xung quanh bởi các hòn đảo, tạo thành một không gian khép kín. Vẻ đẹp kết hợp giữa núi và biển tạo nên một cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ của vịnh Cam Ranh đã nổi tiếng từ lâu. Dọc bờ biển có vùng đồng bằng tuyệt đẹp gồm Ba Ngòi, Đá Bạc, Bao Giếng và vùng bán đảo bên kia vịnh gồm Mỹ Ca, Bình Ba, Vũng Nồm cùng với cửa biển Thủy Triều. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng giao thông và dịch vụ du lịch với những khách sạn, resort cao cấp nằm dọc bãi biển cũng góp phần làm tăng sự thu hút của Vịnh Cam Ranh đối với du khách trong và ngoài nước. Vịnh Hy được biết đến là một trong 4 vịnh biển đẹp và hoang sơ nhất nước ta, với phong cảnh hữu tình là sự hòa quyện giữa biển đảo và núi rừng. Nổi bật với vẻ đẹp nguyên sơ chưa chịu nhiều tác động của con người, đến Vịnh Hy du khách sẽ được tận hưởng không khí bình yên, trong lành, được ngắm những rạn san hô đủ màu sắc và khám phá cung đường đèo thơ mộng.



Hình 1.12. Di sản Tháp Poklong Garai hùng vĩ tại Phan Rang - Tháp Chăm

Bên cạnh tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, Khánh Hòa có một số tài nguyên du lịch văn hóa độc đáo: văn hóa núi rừng, văn hóa đồng bằng - sông nước và văn hóa biển đảo. Trải qua thăng trầm của lịch sử, với sự pha trộn văn hóa người Chăm bản địa với lưu dân từ miền Bắc vào cùng với các dân tộc thiểu số khác như Raglai, Ê đê, Gié Trieng, người Hoa,... đã để lại cho vùng đất này bản sắc văn hóa rất đặc thù. Các nghề truyền thống với sản phẩm độc đáo như nghề lưới đăng, yến sào, trầm kỳ, góm Bàu Trúc, dệt thổ cẩm Mỹ Nghiệp...; những phong tục tập quán, sinh hoạt cộng đồng làng xã, tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội, nghệ thuật, ẩm thực, thú tiêu khiển... Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên kho tàng văn hóa truyền thống dưới dạng các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể gắn liền với biển đảo.

Khánh Hòa có 01 di sản văn hóa phi vật thể thế giới (nghệ thuật bài chòi); 03 di sản phi vật thể quốc gia (lễ hội cầu ngư; Lễ hội Katê; lễ hội Tháp Bà Ponagar; lễ bỏ mả của người Raglai); 30 di tích cấp quốc gia (Ninh Thuận cũ 14); và 205 di tích cấp tỉnh (Ninh Thuận cũ 27); Tháp Bà Ponagar, Di tích Quốc gia đặc biệt, Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Hệ thống tháp Chăm, tiêu biểu là cụm tháp Hòa Lai (Ba Tháp) xây dựng thế kỷ thứ 9, cụm tháp Po Klong Garai xây dựng thế kỷ 13 và cụm tháp Po Rome xây dựng thế kỷ 17,...; Trong số, 04 di tích, danh thắng là biển đảo và liên quan tới biển, đó là vịnh Nha Trang; khu danh thắng Hòn Chồng - Hòn Đỏ, danh thắng Mũi Đôi - Hòn Đầu và di tích Tháp Bà Ponagar. Nguồn bùn sét và khoáng nóng tại Vĩnh Phương và Phước Trung có tác dụng chữa bệnh khớp,

điều hòa mạch, huyết áp, nhịp thở, làm đẹp. Du lịch sinh thái kết hợp dịch vụ khoáng nóng, tắm bùn hấp dẫn du khách. Phát triển du lịch xanh – Động lực tăng trưởng bền vững.

(2). *Năng lượng tái tạo - hướng đến Net Zero*: Với bờ biển dài nhất cả nước (500 km), khí hậu ôn hòa, mỗi năm có hơn 300 ngày nắng, Khánh Hòa có tiềm năng lớn về phát triển năng lượng tái tạo từ sóng, thủy triều, nắng và gió; cùng với hệ sinh thái biển và rừng phong phú giúp cân bằng tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, thuận lợi cho phát triển xanh. Khu vực Ninh Thuận cũ, địa phương đi đầu cả nước về phát triển năng lượng tái tạo. Chỉ tính đến năm 2023, nơi đây đã lắp đặt hơn 2.500 MWp điện mặt trời, với sản lượng trung bình đạt khoảng 4-5 TWh mỗi năm. Bên cạnh đó, khoảng 300 MW điện gió đã được đưa vào vận hành, trong khi tiềm năng phát triển điện gió trên bờ vẫn còn rất lớn, ước tính trên 1.500 MW. Các khu vực như Cam Lâm và Vạn Ninh có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển điện mặt trời nhờ cường độ bức xạ cao, và điện gió nhờ địa hình vùng núi và gió mạnh. Đây là nền tảng quan trọng để mở rộng đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo trong giai đoạn tới. Đặc biệt, dự án điện hạt nhân từng được quy hoạch tại tỉnh này, khi được kích hoạt trở lại trong thời gian tới, có thể đóng góp thêm 2.000-4.000 MW điện sạch cho khu vực.

(3). *Hạ tầng giao thương, công nghiệp sạch - động lực thúc đẩy xanh*: Khu kinh tế Vân Phong, có lợi thế phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng tái tạo, giảm phụ thuộc vào ngành gây ô nhiễm; cảng quốc tế Cam Ranh, sân bay quốc tế Cam Ranh giúp tỉnh trở thành trung tâm logistics xanh của khu vực. Đặc biệt hệ thống cảng biển nước sâu khu kinh tế Vân Phong có vị trí địa lý đặc địa hiếm có – nơi hội tụ giao thông đa phương thức với cảng tự nhiên sâu đến 22m, không bồi lắng, gần tuyến hàng hải quốc tế và liền kề sân bay Cam Ranh kết nối trực tiếp với khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên. Thêm vào đó, diện tích mặt nước rộng gần 46.000 ha và hệ thống đảo đa dạng được định hình là khu kinh tế tổng hợp đa ngành gồm cảng biển trung chuyển của vùng nội địa phía Tây, công nghiệp, đô thị, du lịch biển cao cấp, công nghiệp đóng tàu quy mô lớn và phát triển năng lượng tái tạo, logistics,... những lĩnh vực gắn liền với tài nguyên thiên nhiên và vị trí cảng nước sâu, tiền đề bứt phá để trở thành trung tâm kinh tế biển chiến lược, một cực tăng trưởng mới của Việt Nam trên bản đồ khu vực.



Hình 1.13. Khu kinh tế Vân Phong, Khánh Hòa

(4). Sản xuất xanh – Tiêu dùng xanh – Cùng sống trong lành

- Nông nghiệp hữu cơ: Khí hậu nhiệt đới gió mùa, đất đai đa dạng (cát ven biển, đất đỏ bazan, đất phù sa) thuận lợi phát triển nông nghiệp sinh thái, cây trồng đặc sản (nho, xoài, sầu riêng, yến sào). Tỉnh Khánh Hòa đã và đang xây dựng các chính sách, kế hoạch thúc đẩy sản xuất xanh, tổ chức chợ xanh – phiên chợ nông sản sạch, ưu tiên sản phẩm OCOP, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm có nhãn sinh thái,... “Sống trong lành” là mục tiêu hướng đến của sản xuất và tiêu dùng xanh, tạo ra môi trường sống an toàn, trong sạch, thân thiện cho mọi người dân đây là nền tảng quan trọng cho phát triển bền vững.

- Thủy sản bền vững: Vùng biển rộng lớn, giàu nguồn lợi thủy sản, thích hợp nuôi trồng hải sản công nghệ cao, xuất khẩu theo tiêu chuẩn xanh. Việc áp dụng chuỗi giá trị xanh: Thức ăn hữu cơ, quản lý nước tuần hoàn, giảm kháng sinh trong các cơ sở nuôi trồng thủy sản thúc đẩy tiêu dùng xanh, cùng sống trong lành.

- Phát triển không gian xanh đô thị tại Nha Trang, Cam Ranh, Ninh Hòa, Phan Rang-Tháp Chàm,...; tăng diện tích cây xanh, công viên ven biển khả năng tiếp cận và chấp nhận lối sống xanh (tiết kiệm năng lượng, phân loại rác, tiêu dùng an toàn); Nâng cao chất lượng không khí thông qua kiểm soát khí thải phương tiện giao thông, khuyến khích sử dụng xe điện – giao thông xanh. Hình thành cộng đồng dân cư xanh, với các mô hình khu phố xanh, làng sinh thái, khu dân cư thân thiện môi trường.

- Khánh Hòa có lực lượng lao động trẻ, cộng đồng năng động dễ tiếp thu khoa học công nghệ, thích ứng nhanh với lối sống xanh; Nhiều tổ chức đoàn thể, thanh niên, doanh nghiệp với truyền thống gắn bó với biển, ý thức gìn giữ môi

trường biển đã tham gia các phong trào bảo vệ môi trường, giảm rác thải nhựa đại dương, xây dựng nếp sống văn minh đô thị,...có thể trở thành nền tảng cho xã hội xanh

(5). *Tài chính xanh - Tiền đề cho phát triển bền vững*: Khánh Hòa có nhiều tài nguyên quý giá như biển, đảo, núi, rừng có thể khai thác theo hướng bền vững, tạo ra các sản phẩm xanh, dịch vụ xanh, điểm đến hấp dẫn của nhà đầu tư trong và ngoài nước, các dự án xanh, kinh tế tuần hoàn có thể thu hút các nhà đầu tư có trách nhiệm, quan tâm đến các yếu tố môi trường, xã hội trong hoạt động kinh doanh nên địa phương có khả năng huy động nguồn vốn tín dụng xanh, trái phiếu xanh cho dự án năng lượng tái tạo, hạ tầng bền vững. Tiềm năng tiếp nhận nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế (WB, ADB, JICA, Quỹ Khí hậu xanh) cho các chương trình chống biến đổi khí hậu, bảo tồn hệ sinh thái biển, đặc biệt là các dự án phục hồi rạn san hô, giảm phát thải là những cơ hội và lợi thế của địa phương cần có các giải pháp hữu hiệu nhằm thu hút tối đa nguồn tài chính này.

b). Thách thức về phát triển bền vững dựa trên hệ giá trị xanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

- *Áp lực về môi trường từ phát triển du lịch và công nghiệp*: Kinh tế địa phương phụ thuộc lớn vào tài nguyên du lịch, thủy sản khai thác; Suy thoái hệ sinh thái biển (dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm rác thải nhựa, sự cố môi trường,..) nhất là rạn san hô, do tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và khai thác không bền vững dễ gây tổn thương, đồng thời các hoạt động du lịch và công nghiệp phát triển nhanh và áp lực từ chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, rác thải nhựa đại dương có thể gây ô nhiễm môi trường, làm suy thoái tài nguyên thiên nhiên nếu không được quản lý chặt chẽ.

- *Về phát thải khí nhà kính*, ước tính tổng lượng phát thải toàn khu vực hiện nay vào khoảng 3 - 4 triệu tấn CO₂ tương đương mỗi năm. Con số này bao gồm các nguồn phát thải từ giao thông, sản xuất công nghiệp, dịch vụ và xây dựng. Nếu không có các giải pháp kiểm soát hiệu quả, lượng phát thải này có thể vượt ngưỡng 6 triệu tấn CO_{2e} vào năm 2040, gây áp lực lớn đến môi trường và mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh (Tạp chí Kinh tế Môi trường, 12/07/2025).

- *Nhu cầu vốn đầu tư lớn*: Việc đầu tư phát triển các công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, công nghiệp công nghệ cao và logistics đóng vai trò then chốt trong việc tạo dựng một nền kinh tế xanh có chiều sâu đòi hỏi nguồn vốn lớn, trong khi khả năng huy động vốn của tỉnh còn hạn chế.

- *Thay đổi nhận thức và hành vi của cộng đồng xã hội chưa cao*: Phát triển bền vững dựa trên hệ giá trị xanh cần sự tham gia tích cực của người dân, doanh

ngiệp. Việc thay đổi thói quen tiêu dùng, thói quen sử dụng phân bón, thuốc hóa học trong sản xuất để chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ sang hướng thân thiện với môi trường; một bộ phận người dân, du khách chưa có thói quen tiêu dùng xanh, phân loại rác, giảm nhựa dùng một lần là một thách thức không nhỏ.

- *Hạn chế về công nghệ và hạ tầng chưa tương xứng*: Khánh Hòa còn thiếu các công nghệ tiên tiến nên doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó trong đầu tư sản xuất xanh; Sự phát triển nhanh của đô thị và du lịch ven biển tạo ra xung đột lợi ích giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; Chuyển đổi công nghệ chậm, thiếu quy hoạch hạ tầng hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, bảo tồn rừng phòng hộ ven biển, năng lượng tái tạo phát triển chưa tương xứng với nhu cầu xanh hóa để triển khai hiệu quả các mô hình kinh tế xanh.



Hình 1.14. Đô thị xanh, mục tiêu của phát triển bền vững

- *Khung pháp lý chưa đồng bộ*: Một số quy định, chính sách về kinh tế xanh còn chưa đủ mạnh, các chính sách, công cụ tài chính cụ thể để hỗ trợ, khuyến mãi cho sản phẩm xanh, dịch vụ xanh còn hạn chế chưa theo kịp tốc độ phát triển và hội nhập, gây khó khăn cho việc thực hiện các dự án.

- *Năng lực quản lý nhà nước, cơ chế phối hợp liên ngành* (du lịch, tài nguyên - môi trường, nông nghiệp, giao thông,...) và việc thực thi các chính sách xanh còn hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực, trình độ lao động chưa đồng đều, kỹ năng về công nghệ xanh, du lịch xanh còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập và chuyển đổi số xanh;

- *Thị trường vốn xanh còn mới*: Khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tài chính xanh, trái phiếu xanh, tín dụng ưu đãi phục vụ cho các dự án hạ tầng, môi trường và năng lượng tái tạo còn khó tiếp cận. Thiếu cơ chế cụ thể để khuyến khích ngân hàng, doanh nghiệp đầu tư vào dự án xanh.

- *Chênh lệch vùng miền, đô thị hóa nhanh*: Bất bình đẳng phát triển vùng miền, miền núi, vùng dân tộc thiểu số (Khánh Vĩnh, Khánh Sơn,...) còn khó khăn, thiếu điều kiện tiếp cận lối sống xanh; Nguy cơ “phát triển xanh hình thức” (greenwashing), chưa đảm bảo công bằng xã hội và thiếu lợi ích thực chất cho cộng đồng địa phương cần có giải pháp thiết thực.

c). Định hướng và giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững dựa trên hệ giá trị xanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

- *Định hướng chiến lược dựa trên hệ giá trị xanh*: Tích hợp các mục tiêu phát triển xanh trong quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và kinh tế biển xanh. Hoàn thiện quy hoạch ven biển, quản lý không gian biển, hạn chế san lấp, quy định hành lang bảo vệ bờ biển; nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường.

- *Trong lĩnh vực du lịch* - một thế mạnh của Khánh Hòa - cần có một cuộc chuyển mình cụ thể về phát triển du lịch xanh từ mô hình đại trà sang phân khúc cao cấp, có tính chuyên biệt cao như du lịch nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khỏe, trị liệu, chơi golf và hội nghị quốc tế (MICE), trong đó có lộ trình tăng sử dụng năng lượng tái tạo, kiểm soát phát thải, chủ động ứng phó thiên tai, sự cố môi trường biển; đồng thời đa dạng hóa sản phẩm du lịch gắn với thiên nhiên, văn hóa và đời sống cộng đồng.

Tỉnh có thể định vị lại thương hiệu “Khánh Hòa xanh” cho du lịch thông qua các chương trình du lịch “xanh - thông minh”, kết hợp ứng dụng công nghệ số, đồng thời xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí “Điểm đến du lịch xanh Khánh Hòa” áp dụng đối với doanh nghiệp, khu, điểm du lịch theo tiêu chuẩn dịch vụ mô hình “Net Zero Tourism” tại các trung tâm du lịch như Nha Trang, Cam Lâm và Vân Phong. Khuyến khích du lịch trải nghiệm bền vững (du lịch cộng đồng, homestay có tiêu chuẩn xanh, du lịch lặn có quản lý), nối kết chuỗi giá trị địa phương (nông - thủy sản - ẩm thực địa phương); Việc nâng cấp sân bay Cam Ranh thành trung tâm đón khách quốc tế quy mô lớn, tổ chức các lễ hội văn hóa – thể thao biển quốc tế thường niên cũng sẽ đóng góp quan trọng vào mục tiêu kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu bình quân trên mỗi khách du lịch. Bên cạnh đó, ứng dụng chuyển đổi số là yếu tố then chốt trong xây dựng hạ tầng xanh, tiếp thị du lịch xanh và nâng tầm thương hiệu điểm đến.

- *Đối với năng lượng tái tạo và kinh tế xanh*, một trong những động lực tăng trưởng mới của Khánh Hòa trong thập kỷ tới. Cần định vị Khánh Hòa là "Trung tâm năng lượng tái tạo - logistics xanh - du lịch sinh thái cao cấp" của Việt Nam và khu vực ASEAN. Phát triển năng lượng tái tạo, các dự án điện gió ngoài khơi, năng

lượng sóng biển, điện mặt trời nổi trên mái nhà và hệ thống lưu trữ điện cần được quy hoạch bài bản và tích hợp với nhu cầu phát triển công nghiệp. Tỉnh cũng cần chủ động tham gia thị trường tín chỉ các-bon, từ đó tạo ra một nguồn thu mới và góp phần hiện thực hóa các cam kết khí hậu quốc tế. Hình thành khu công nghiệp trung hòa các-bon đầu tiên ở miền Trung không chỉ là một bước đi mang tính biểu tượng mà còn là chiến lược thực chất để Khánh Hòa trở thành địa phương đi đầu trong quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng. Đây sẽ là bước chuyển chiến lược, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường sống và thu hút các dòng đầu tư xanh - bền vững trong tương lai.



Hình 1.15. Cảnh đồng điện gió kết hợp điện mặt trời ở Ninh Thuận.

- *Đối với giao thông xanh và xử lý chất thải:* Xây dựng hệ thống giao thông xanh, khuyến khích phát triển, sử dụng phương tiện công cộng như taxi điện và xe buýt điện tại các đô thị lớn, hỗ trợ doanh nghiệp vận tải chuyển đổi bằng ưu đãi thuế, tín dụng và triển khai hạ tầng trạm sạc xe điện tại các trung tâm du lịch như Nha Trang, Cam Ranh, Vân Phong, đồng thời mở rộng đến khu đô thị, sân bay, khu công nghiệp và trạm dừng nghỉ ven quốc lộ. Đây là bước quan trọng để thúc đẩy giao thông xanh. Song song, quy hoạch cảng biển xanh cũng cần được đẩy mạnh tại Nha Trang và Vân Phong, ứng dụng công nghệ giảm phát thải và thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo. Những giải pháp này góp phần giảm phát thải trong giao thông – vận tải, tiến tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2040. Giảm thiểu và tái chế chất thải (phân loại chất thải tại nguồn, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng vật liệu sinh học và tái chế, xây dựng nhà máy xử lý chất thải hiện đại và hệ thống tái chế tại nguồn);

- *Đối với công nghiệp xanh:* Trong định hướng phát triển công nghiệp, cần có kế hoạch áp dụng bắt buộc tiêu chuẩn quản lý năng lượng ISO 50001 tại các khu công nghiệp như Ninh Thọ và Cam Lâm nhằm tối ưu hóa sử dụng năng lượng, giảm

phát thải và nâng cao hiệu quả vận hành; Đồng thời, định hướng thu hút đầu tư vào các ngành công nghệ sạch, phát thải thấp như chế biến nông – thủy sản, linh kiện điện tử, năng lượng tái tạo và vật liệu mới. Từng bước đóng cửa các cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu hóa thạch lạc hậu và gây ô nhiễm nghiêm trọng, đặc biệt là các lò gạch thủ công, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng không đạt tiêu chuẩn khí thải và các nhà máy tiêu tốn nhiều năng lượng hóa thạch. Việc chuyển đổi này sẽ đi kèm với chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nghề cho người lao động và doanh nghiệp địa phương, tránh gây xáo trộn lớn về xã hội – việc làm. Đối với các dự án đầu tư công nghiệp mới, tỉnh sẽ yêu cầu bắt buộc tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tiên tiến, áp dụng các công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng và hướng tới vận hành theo mô hình các-bon thấp hoặc không phát thải ròng. Đây không chỉ là tiêu chí cấp phép mà còn là bước đi chiến lược để hình thành hệ sinh thái công nghiệp bền vững và đáp ứng các tiêu chuẩn toàn cầu như ESG, CBAM theo định hướng phát triển bền vững lâu dài gắn với quy hoạch vùng.

- *Phát triển công nghiệp công nghệ cao và logistics theo chuẩn xanh*, sử dụng năng lượng sạch đóng vai trò then chốt trong việc tạo dựng một nền kinh tế có chiều sâu. Việc tái quy hoạch các khu công nghiệp hiện có theo mô hình khu công nghiệp sinh thái – đô thị sẽ giúp địa phương tận dụng hiệu quả quỹ đất, giảm thiểu tác động môi trường và tối ưu hóa chi phí vận hành. Trong đó, khu công nghiệp Ninh Thọ (Ninh Hòa) và cụm công nghiệp Cam Lâm cần được ưu tiên đầu tư hạ tầng đồng bộ, nhằm đón dòng vốn FDI chất lượng cao; Đồng thời, hệ thống hạ tầng logistics, đặc biệt là cảng nước sâu Bắc Vân Phong, cần được đầu tư đúng mức để trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa quốc tế, kết nối hiệu quả với Tây Nguyên và các vùng phụ cận qua hệ thống đường sắt, cao tốc và sân bay Cam Ranh.

- *Trong lĩnh vực nông nghiệp*, cần tăng tốc phát triển các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, canh tác các-bon thấp (hỗ trợ doanh nghiệp và nông dân chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ, xây dựng chợ nông sản xanh kết nối với người tiêu dùng), lấy tiêu chuẩn môi trường và khả năng tích hợp công nghệ làm nền tảng. Các mô hình trọng điểm bao gồm: Nông nghiệp hữu cơ, nuôi biển công nghệ cao, nuôi tôm hữu cơ tuần hoàn không xả thải, trồng lúa tuần hoàn kết hợp chăn nuôi – phân bón hữu cơ, sản phẩm OCOP xanh và đặc biệt là các trang trại nông – năng (agrivoltaics), nơi kết hợp sản xuất nông nghiệp với lắp đặt điện mặt trời mái che để tối ưu hóa sử dụng đất. Việc kết hợp sản xuất nông nghiệp với bảo vệ tài nguyên đất - nước - rừng không chỉ nâng cao thu nhập bền vững cho người dân mà còn tạo bản sắc sinh thái cho vùng nông thôn, hướng tới xây dựng chuỗi giá trị nông nghiệp xanh - thông minh - xuất khẩu được tín chỉ các-bon trong tương lai gần. Phát triển nông nghiệp thông minh với việc áp dụng IoT (vạn vật kết nối Internet) và AI (trí tuệ nhân tạo) vào quản lý nông nghiệp giúp tăng năng suất, giảm thiểu sử dụng tài

nguyên và nâng cao chất lượng sản phẩm. Những công nghệ này không chỉ cải thiện hiệu quả canh tác mà còn góp phần xanh hóa môi trường, tiến tới mục tiêu Net Zero (phát thải bằng 0).

- *Phát triển thị trường tín chỉ các-bon:* Việc thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon đầu tiên của khu vực miền Trung, đặt tại Nha Trang, nhằm kết nối các doanh nghiệp, các ngành có phát thải cao như du lịch, xây dựng, sản xuất với thị trường tín chỉ trong nước và quốc tế. Sàn này sẽ đóng vai trò là công cụ tài chính quan trọng, giúp đo lường, trao đổi và bù trừ phát thải khí nhà kính theo cơ chế minh bạch. Việc xây dựng bộ tiêu chuẩn tín chỉ các-bon phù hợp thông lệ quốc tế và hình thành sàn giao dịch tín chỉ các-bon trên địa bàn tỉnh không chỉ giúp đa dạng hóa nguồn tài chính khí hậu, mà còn khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào các dự án đổi mới công nghệ xanh như năng lượng tái tạo, nông nghiệp các-bon thấp hay trồng rừng qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào thị trường các-bon toàn cầu.



Hình 1.16. Xu hướng NetZero chống biến đổi khí hậu

- *Quản trị khí hậu:* Công tác quản trị khí hậu của tỉnh Khánh Hòa cần được tăng cường mạnh mẽ nhằm bảo đảm lộ trình hướng tới trung hòa các-bon diễn ra hiệu quả, minh bạch và có thể giám sát được. Một trong những nội dung trọng tâm là xây dựng và cập nhật định kỳ bản đồ phát thải khí nhà kính số hóa trên toàn tỉnh, với dữ liệu chi tiết theo từng ngành, từng khu vực địa lý. Bản đồ này sẽ là công cụ hỗ trợ chính trong công tác quy hoạch, kiểm soát phát thải và lập kế hoạch hành động khí hậu ở cấp địa phương.

- *Đẩy mạnh các chương trình truyền thông cộng đồng, tuyên truyền, giáo dục, khuyến khích người dân tham gia chuyển đổi xanh, lối sống xanh, kinh tế tuần hoàn, tiêu dùng bền vững bảo vệ môi trường và xây dựng đô thị văn minh, với khẩu*

hiệu “Khánh Hòa Xanh”. Việc tổ chức các hội thảo về chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn giúp thu thập ý kiến và học hỏi kinh nghiệm từ chuyên gia, nhằm đề ra giải pháp phát triển bền vững cho tỉnh; Phát triển phong trào cộng đồng xanh; Xây dựng cơ chế thí điểm trái phiếu xanh, tín dụng ưu đãi cho dự án năng lượng tái tạo, xử lý chất thải; Kêu gọi hợp tác quốc tế, tranh thủ vốn ODA, tín dụng xanh, trái phiếu xanh và quỹ khí hậu toàn cầu để đầu tư hạ tầng sạch. Để tiến xa hơn, tỉnh cần đẩy mạnh chuyển đổi số, khuyến khích chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn, đồng thời điều chỉnh chính sách theo thực tiễn.

- *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao* về quản lý môi trường theo tiêu chuẩn xanh, du lịch xanh, công nghệ xanh và hỗ trợ hệ sinh thái doanh nghiệp địa phương, một yếu tố không thể thiếu trong phát triển bền vững. Việc xây dựng các trung tâm đào tạo kỹ thuật – công nghệ tại Nha Trang và Cam Lâm không chỉ giải quyết bài toán cung – cầu lao động mà còn góp phần thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ biển và du lịch số. Chính quyền cần đóng vai trò "kiến tạo" thay vì "quản lý", với mô hình chính quyền số hóa toàn diện, cho phép nhà đầu tư thực hiện toàn bộ quy trình đầu tư một cách minh bạch, trực tuyến và không rào cản. Việc thành lập Hội đồng xúc tiến đầu tư và tăng trưởng xanh, kết nối chính quyền – doanh nghiệp – chuyên gia – quốc tế, sẽ giúp thiết lập một cấu trúc hợp tác bền vững trong quản trị phát triển.

Chiến lược tăng trưởng xanh hai con số dựa trên hệ giá trị xanh không chỉ dựa trên những mục tiêu kinh tế, mà là sự chuyển mình toàn diện về thể chế, mô hình phát triển và năng lực hành động, hướng đi chiến lược của tỉnh Khánh Hòa mang tính tất yếu khách quan, phù hợp với tiềm năng và lợi thế của tỉnh Khánh Hòa góp phần vừa khai thác tiềm năng kinh tế biển – du lịch, vừa bảo tồn tài nguyên, vừa nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Việc hiện thực hóa định hướng này đòi hỏi sự đồng thuận, sự phối hợp đồng bộ và cam kết của các cấp chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng và sự hỗ trợ của các đối tác trong và ngoài nước.

Chìa khóa thành công thực hiện hệ giá trị xanh nằm ở khả năng thiết kế một chiến lược linh hoạt nhưng nhất quán, đồng thời huy động hiệu quả mọi nguồn lực – từ trung ương đến địa phương, từ khu vực công đến khu vực tư nhân. Đây là con đường để Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế xanh, du lịch xanh và xã hội xanh của cả nước và có thương hiệu quốc tế.

d). Cách thức lồng ghép “Hệ giá trị xanh” vào hệ chiến lược - chính sách - quy hoạch của tỉnh

Thực thi theo 4 bước tích hợp chính bao gồm:

(i). *Dự thảo mục tiêu chiến lược và tiêu chí dự án*: Mỗi chiến lược/quy hoạch (tỉnh, ngành) cần có mục tiêu môi trường và xã hội cụ thể (giảm phát thải, bảo tồn bờ biển, xử lý chất thải, nền kinh tế tuần hoàn); Các tiêu chí lựa chọn dự án/đầu tư: bắt buộc đánh giá tác động môi trường và các-bon, yêu cầu phương án quản lý rủi ro biển và tài nguyên (Từ Quy hoạch tỉnh → Kế hoạch thực hiện).

(ii). *Lồng ghép theo không gian và ngành*: Phân vùng rõ không gian khu vực bảo tồn sinh thái biển, khu phát triển kinh tế bền vững, vùng nông nghiệp xanh, khu du lịch có tiêu chí xanh; Các ngành: nông nghiệp → nông nghiệp thông minh, tuần hoàn; kinh tế biển → phát triển cảng, du lịch sinh thái bền vững; năng lượng → khuyến khích năng lượng tái tạo.



Hình 1.17. Nông nghiệp xanh, hướng đi tất yếu đối với Khánh Hòa

(iii). *Công cụ thực thi - pháp lý, tài chính, quản trị*: Cơ chế tài chính xanh: ưu đãi, quỹ đầu tư công xanh, huy động ODA, PPP có điều kiện xanh; Áp dụng các quy chuẩn địa phương, tiêu chuẩn nhãn xanh, quy định bắt buộc về quản lý chất thải, ràng buộc tuân thủ trong GPMB/dự án; Năng lực quản lý, đào tạo cán bộ, hệ thống theo dõi, cơ sở dữ liệu môi trường và khí hậu.

(iv). *Tham gia cộng đồng và minh bạch*: Tăng cường tham vấn cộng đồng, minh bạch thông tin môi trường dự án, khuyến khích tiêu dùng xanh, hỗ trợ doanh nghiệp xanh địa phương.

e). Bộ chỉ số (KPIs) đề xuất để theo dõi “Hệ giá trị xanh” (Chỉ chọn những chỉ số đo lường được, sử dụng báo cáo hàng năm)

- Tỷ lệ dự án đầu tư công có đánh giá khí hậu và tiêu chí xanh (%).

- Lượng phát thải CO₂ toàn tỉnh (tấn CO₂e/năm) và xu hướng giảm (%) so với baseline.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đúng quy chuẩn (%).

- Diện tích vùng rạn san hô / khu bảo tồn ven bờ được bảo tồn (ha) / mức phục hồi.

- Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng tỉnh (%).

- Số doanh nghiệp được chứng nhận “sản phẩm/dịch vụ xanh” hoặc nhận hỗ trợ chuyển đổi.

- Tỷ lệ hộ nông nghiệp áp dụng giải pháp “nông nghiệp thông minh/tuần hoàn” (%).

Những KPIs này được gắn vào các báo cáo thực hiện Quy hoạch/Kế hoạch hàng năm của tỉnh.

Phần 2

HỆ GIÁ TRỊ XANH VÀ ÁP DỤNG TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Cách tiếp cận hệ giá trị xanh trong quản lý nhà nước

Việc vận dụng hệ giá trị xanh trong quản lý nhà nước là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Cách tiếp cận này có thể được nhìn nhận trên một số khía cạnh sau:

(i). *Tiếp cận tích hợp, liên ngành*: Việc vận dụng hệ giá trị xanh trong quản lý nhà nước không chỉ dựa trên các mục tiêu kinh tế, mà cần được tổ chức theo hướng lồng ghép, tích hợp các mục tiêu, tiêu chí xanh trong hoạch định, ban hành và thực thi chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế – xã hội; Liên kết giữa các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, giao thông, xây dựng... theo hướng phát triển hài hòa, nhằm tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, giảm phát thải và gia tăng giá trị bền vững.

(ii). *Tiếp cận dựa trên thị trường và tài chính xanh*: Quản lý nhà nước cần áp dụng hiệu quả các công cụ kinh tế như thuế môi trường, phí xả thải, tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp xanh; đồng thời khuyến khích cơ chế thị trường các-bon, tín chỉ xanh, tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh để định hướng hành vi của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Qua đó, huy động được nguồn lực xã hội từ khu vực tư nhân và quốc tế thông qua các quỹ xanh, trái phiếu xanh cho các hoạt động phát triển xanh.

(iii). *Tiếp cận theo hướng quản trị hiện đại, minh bạch*: Nhà nước đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong giám sát và đánh giá

môi trường – xã hội; đảm bảo minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quản lý tài nguyên đất đai, năng lượng và sử dụng vốn xanh. Bên cạnh đó, tăng cường thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp và tổ chức xã hội vào quá trình xây dựng, hoạch định và thực thi chính sách xanh.

(iv). *Tiếp cận lấy con người và cộng đồng làm trung tâm*: Phát triển bền vững dựa trên hệ giá trị xanh không chỉ nhằm bảo vệ môi trường mà phải hướng đến nâng cao chất lượng sống của người dân, xây dựng văn hóa về lối sống xanh, tiêu dùng bền vững. Nhà nước chú trọng bảo đảm công bằng xã hội, quan tâm đến các nhóm yếu thế và cộng đồng dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu và chuyển dịch năng lượng qua đó thúc đẩy an sinh xanh.

(v). *Tiếp cận thích ứng và sáng tạo*: Quản lý nhà nước coi biến đổi khí hậu vừa là thách thức vừa là cơ hội, động lực để chuyển đổi mô hình phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp xanh, ứng dụng khoa học – công nghệ trong sản xuất và quản lý tài nguyên; coi trọng khả năng thích ứng thay vì chỉ khắc phục hậu quả. Khuyến khích phát triển, nhân rộng các mô hình quản trị mới như kinh tế tuần hoàn, đô thị xanh, khu công nghiệp sinh thái nhằm nâng cao năng lực thích ứng và phát triển bền vững.

Tóm lại: Cách tiếp cận hệ giá trị xanh trong quản lý nhà nước đòi hỏi sự chuyển đổi toàn diện, từ tư duy phát triển “tăng trưởng trước, xử lý sau” sang “tăng trưởng bền vững, hài hòa giữa kinh tế – xã hội – môi trường”, với vai trò kiến tạo, dẫn dắt và có sự giám sát chặt chẽ của Nhà nước.

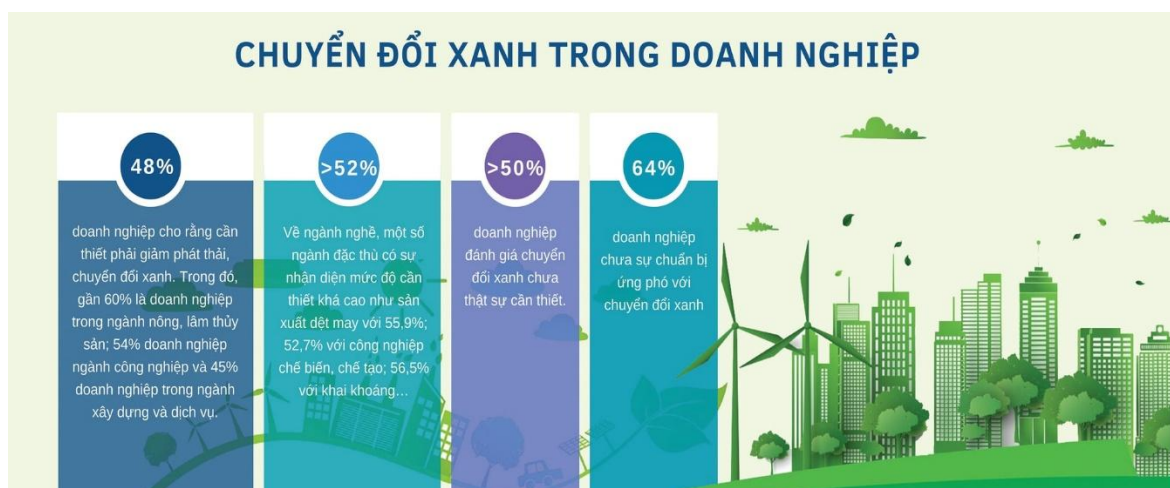
2. Cách thức sử dụng hệ giá trị xanh trong hoạt động chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường

Việc vận dụng hệ giá trị xanh trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh đã đề ra. Cụ thể:

(i). *Trong công tác chỉ đạo, hoạch định chính sách*:

- Lồng ghép các tiêu chí xanh vào quá trình xây dựng và triển khai chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên phê duyệt, lựa chọn nhà đầu tư, phân bổ, bố trí vốn ngân sách và huy động nguồn lực xã hội cho các dự án xanh, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia phát triển lĩnh vực xanh.



Hình 2.1. Chuyển đổi xanh trong doanh nghiệp, con đường tắt yếu

- Ban hành, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích thuế, phí, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đất đai, nhằm thu hút doanh nghiệp tham gia các lĩnh vực sản xuất xanh, tiêu dùng bền vững, phát triển năng lượng tái tạo và kinh tế tuần hoàn.

(ii). Trong tổ chức, điều hành thực hiện

- Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn xanh làm cơ sở xem xét cấp phép, thẩm định và quản lý hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất – kinh doanh, dịch vụ.

- Tăng cường sử dụng công cụ quản lý hiện đại như kiểm toán năng lượng, đánh giá vòng đời dự án, đánh giá tác động môi trường – xã hội nhằm kiểm soát chất lượng phát triển.

- Tăng cường liên kết, điều phối đồng bộ giữa các sở, ngành, địa phương, liên vùng bảo đảm sự liên thông, hiệu quả trong việc triển khai các chương trình phát triển xanh.

(iii). Trong giám sát, kiểm tra, đánh giá

- Thiết lập và áp dụng hệ thống chỉ tiêu, chỉ số xanh (kinh tế xanh, năng lượng sạch, phát thải carbon, chất lượng môi trường, đa dạng sinh học...) để theo dõi, đánh giá kết quả phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.

- Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn (Big Data) trong công tác giám sát tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu.

- Thực hiện công khai, minh bạch thông tin, bảo đảm sự tham gia giám sát và phản biện xã hội của người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội.

(iv). Trong huy động nguồn lực và hợp tác

- Kết hợp ngân sách nhà nước với các nguồn vốn tài chính xanh như trái phiếu xanh, tín dụng xanh, quỹ carbon và nguồn lực quốc tế ODA xanh để triển khai các dự án phát triển bền vững.

- Thúc đẩy, ưu tiên doanh nghiệp tham gia các dự án hợp tác công – tư (PPP) trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, hạ tầng xanh, xử lý chất thải, bảo tồn thiên nhiên, du lịch sinh thái,...

- Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực kỹ thuật, công nghệ, tài chính từ các tổ chức quốc tế (WB, ADB, UNDP, JICA...) nhằm tiếp nhận, ứng dụng công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại và nguồn lực tài chính phục vụ phát triển xanh.

(v). Trong công tác giáo dục, truyền thông và nâng cao nhận thức

- Tăng cường lồng ghép nội dung về hệ giá trị xanh vào trong các chương trình giáo dục, đào tạo, nhằm hình thành nền tảng văn hóa xanh trong cộng đồng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách xanh và phong trào thực hiện lối sống xanh, tiêu dùng xanh,... thông qua báo chí, mạng xã hội, phong trào thi đua, để khuyến khích doanh nghiệp, người dân tham gia.

- Phát huy vai trò của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, tổ chức chính trị – xã hội và tôn giáo trong việc tham gia quản lý, giám sát bảo vệ môi trường, thúc đẩy lối sống xanh, ứng phó biến đổi khí hậu.

Tóm lại: Việc sử dụng hệ giá trị xanh trong hoạt động chỉ đạo, điều hành không chỉ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn bảo đảm sự chuyển đổi mô hình phát triển từ “tăng trưởng theo chiều rộng” sang tăng trưởng xanh – bền vững, trong đó Nhà nước đóng vai trò kiến tạo – định hướng – giám sát, còn doanh nghiệp và người dân là chủ thể thực hiện và hưởng lợi qua đó góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

3. Tài chính, nhân lực trong chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh

Tài chính và nhân lực là hai trụ cột quan trọng trong tiến trình chuyển đổi xanh. Khánh Hòa cần xây dựng cơ chế huy động và phân bổ tài chính xanh hiệu quả, đồng thời phát triển nguồn nhân lực xanh chất lượng cao, qua đó tạo nền tảng cho phát triển kinh tế xanh và tăng trưởng xanh.

(i). Tài chính cho chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế xanh

- Nguồn ngân sách nhà nước: Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho các dự án trọng điểm về hạ tầng xanh, xử lý chất thải, năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ, khu công nghiệp sinh thái.



Hình 2.2. Tài chính xanh thúc đẩy phát triển tăng trưởng xanh

- Cơ chế tài chính xanh: Phát triển các công cụ như tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ bảo vệ môi trường, quỹ các-bon; Khuyến khích các ngân hàng thương mại xây dựng sản phẩm tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất sạch, công nghệ xanh.

- Huy động xã hội hóa: Thu hút vốn đầu tư tư nhân, hợp tác công – tư (PPP), đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn vốn ODA, viện trợ, vốn vay ưu đãi cho các dự án xanh.

- Cơ chế khuyến khích: Ưu đãi thuế, phí và hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển lĩnh vực xanh.

(ii). Nhân lực trong chuyển đổi xanh

- Đào tạo, bồi dưỡng: Xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng về quản lý môi trường, công nghệ xanh, sản xuất sạch hơn cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp và người lao động.

+ Phát triển các ngành đào tạo mới tại trường đại học, cao đẳng ở Khánh Hòa liên quan đến kinh tế xanh, năng lượng tái tạo, quản trị bền vững.

+ Nguồn nhân lực chất lượng cao: Thu hút chuyên gia, trí thức, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu, tư vấn, triển khai các dự án xanh.

+ Nguồn nhân lực cộng đồng: Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức xã hội, đoàn thể và tôn giáo trong thực hiện lối sống xanh, tiêu dùng bền vững.

+ Chính sách hỗ trợ nhân lực: Hỗ trợ đào tạo nghề xanh, khuyến khích người lao động tham gia các ngành kinh tế xanh, đồng thời có cơ chế bảo vệ việc làm trong quá trình chuyển đổi từ các ngành truyền thống sang ngành xanh.

(iii). Mối quan hệ giữa tài chính và nhân lực trong tăng trưởng xanh

- Tài chính là điều kiện để đầu tư vào hạ tầng, công nghệ và mô hình kinh tế xanh.

- Nhân lực là yếu tố quyết định khả năng hấp thụ và vận hành các nguồn vốn đầu tư xanh một cách hiệu quả.

- Sự kết hợp hài hòa giữa cơ chế tài chính xanh và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ tạo động lực thúc đẩy Khánh Hòa chuyển đổi thành công sang mô hình tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.



Hình 2.3. Ma trận “Tài chính – Nhân lực – Giải pháp” trong hệ giá trị xanh

4. Khung quản trị rủi ro trong chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh

a). Các rủi ro trong chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh

(i). Nhóm rủi ro thể chế, chính sách – pháp lý:

- Khung pháp lý chưa đồng bộ: Chính sách không rõ ràng, thiếu tiêu chuẩn, thiếu nhất quán, thiếu ổn định như việc thay đổi cơ chế hỗ trợ (giá FIT điện mặt trời, điện gió) gây rủi ro cho nhà đầu tư.

- Chưa có cơ chế tài chính xanh đồng bộ, thiếu các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển xanh, tài chính xanh,...

- Rủi ro “greenwashing”: Doanh nghiệp hoặc tổ chức tuyên bố xanh nhưng thực tế không thực hiện đúng, làm giảm niềm tin xã hội.

- Tham nhũng, lợi ích nhóm: Chính sách ưu đãi, tài chính xanh dễ bị lợi dụng.

(ii). Nhóm rủi ro kinh tế:

- Chi phí đầu tư, chuyển đổi công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất tuần hoàn, chứng nhận dự án thường đòi hỏi vốn lớn có thể là rào cản, gây áp lực lên doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Rủi ro cạnh tranh: Doanh nghiệp chậm chuyển đổi dễ bị loại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu (ESG, Carbon Border Adjustment Mechanism – CBAM của EU).

- Rủi ro thị trường: Sản phẩm xanh có giá cao, cầu tiêu dùng chưa ổn định; Biến động thị trường gây rủi ro thất bại thương mại nếu thị trường chưa sẵn sàng.

- Nguy cơ mất cân đối ngành nghề: Một số ngành phát thải cao (than, xi măng, hóa chất, thép...) có thể suy giảm, gây mất việc làm và xáo trộn kinh tế địa phương.

(iii). Nhóm rủi ro xã hội, nhân lực

- Thay đổi cơ cấu lao động gây rủi ro mất việc làm và sinh kế: Người lao động trong ngành “nâu” (nhiên liệu hóa thạch, sản xuất truyền thống) có thể bị mất việc khi chuyển đổi từ ngành “nâu” sang ngành “xanh” tạo ra sự dịch chuyển lao động gây xung đột lợi ích giữa các nhóm xã hội yêu cầu cần tái đào tạo lại kỹ năng.



Hình 2.4. Khung quản trị rủi ro khi thực hiện hệ giá trị xanh

- Thiếu nhân lực công nghệ, bất bình đẳng: Thiếu nhân lực chất lượng cao về công nghệ, quản lý xanh; Chênh lệch tiếp cận công nghệ xanh, năng lượng sạch giữa thành thị – nông thôn, giàu – nghèo gây ra rủi ro về bất bình đẳng kinh tế - xã hội, hạn chế sự phát triển bền vững và làm gia tăng các vấn đề môi trường.

- Xung đột lợi ích: Khi triển khai dự án năng lượng tái tạo, di dời dân cư, sử dụng đất đai (điện gió, điện mặt trời) có thể gây mâu thuẫn giữa doanh nghiệp, chính quyền và cộng đồng.

- Thiếu nhận thức và kỹ năng: Nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng về phát triển xanh cho người dân và doanh nghiệp là một thách thức.



Hình 2.5. Sơ đồ các rủi ro khi thực hiện hệ giá trị xanh

(iv). Nhóm rủi ro môi trường - công nghệ kỹ thuật

- Hạn chế về công nghệ và hạ tầng công nghệ xanh chưa hoàn thiện, chưa phổ biến, phụ thuộc nhập khẩu: Một số giải pháp xanh (hydro xanh, lưu trữ năng lượng, carbon capture...) còn trong giai đoạn thử nghiệm, tiềm ẩn thất bại.

- Mâu thuẫn giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường: Để đạt tăng trưởng kinh tế, cần cân bằng với mục tiêu bảo vệ môi trường, có thể dẫn đến xung đột lợi ích.

- Tác động ngoài dự kiến: Dự án năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời) nếu quy hoạch thiếu bền vững có thể phá vỡ hệ sinh thái, gây ô nhiễm thứ cấp (rác thải pin mặt trời, cánh quạt điện gió).

- Nguy cơ thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh: Gây bất định cho sản xuất và hạ tầng, làm gián đoạn hạ tầng xanh (ví dụ: điện gió ven biển bị ảnh hưởng bởi bão) ảnh hưởng đến đầu tư và chuỗi cung ứng xanh.

(v). Nhóm rủi ro tài chính – quốc tế

- Áp lực từ chuẩn mực quốc tế: Các quy định về phát thải, tín chỉ carbon, ESG... có thể làm tăng chi phí xuất khẩu.

- Khó khăn huy động vốn xanh: Nhiều nước đang phát triển gặp thách thức tiếp cận tài chính quốc tế, trái phiếu xanh.

- Biến động tài chính toàn cầu: Lãi suất, khủng hoảng năng lượng, bất ổn địa chính trị ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư xanh.

Nhìn chung, chuyển đổi xanh – phát triển kinh tế xanh – tăng trưởng xanh là xu thế tất yếu nhưng chứa nhiều rủi ro đa chiều. Để quản trị hiệu quả, cần kết hợp: khung chính sách minh bạch – công nghệ phù hợp – đào tạo nguồn nhân lực – cơ chế chia sẻ lợi ích – tài chính xanh bền vững.

b). Cách tiếp cận quản trị rủi ro trong chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh

- *Xác định bối cảnh*: Chính sách quốc gia, cam kết quốc tế (COP, Net Zero), điều kiện kinh tế – xã hội địa phương.

- *Nhận diện rủi ro*: Rủi ro chính sách (chậm ban hành, thiếu đồng bộ, thay đổi chính sách quốc tế như CBAM của EU); Rủi ro tài chính (chi phí đầu tư cao, hạn chế tín dụng xanh); Rủi ro công nghệ (lỗi thời, không tương thích, khó chuyển giao); Rủi ro xã hội (việc làm, an sinh, xung đột lợi ích); Rủi ro môi trường – khí hậu (thiên tai, tác động không mong muốn từ dự án xanh); => Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm về rủi ro chính sách, tài chính, môi trường,....

- *Phân tích và đánh giá*: Xác định xác suất xảy ra, mức độ tác động ảnh hưởng và khả năng xảy ra, chi phí – lợi ích của biện pháp ứng phó (ma trận rủi ro).

- *Giám sát và kiểm soát*: Đa dạng hóa nguồn vốn, ứng dụng công nghệ mới, quỹ dự phòng rủi ro; Thường xuyên theo dõi, cập nhật chính sách và kịch bản mới.

- *Xử lý và ứng phó*: Kế hoạch thích ứng, bảo hiểm rủi ro xanh, hợp tác công – tư để chia sẻ gánh nặng; Tránh (loại bỏ hoạt động rủi ro cao, không phù hợp); Giảm thiểu (ứng dụng công nghệ sạch, quản lý hiệu quả tài nguyên); Chia sẻ/Chuyển giao (bảo hiểm rủi ro, đối tác công – tư, quỹ dự phòng); Chấp nhận có điều kiện (nếu chi phí quản trị lớn hơn tổn thất dự kiến).

- *Truyền thông và tham vấn*: Minh bạch với doanh nghiệp, cộng đồng, nhà đầu tư.

c). Nguyên tắc quản trị rủi ro trong chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh

(i). *Minh bạch - Trách nhiệm - Linh hoạt - Phòng ngừa - Tích hợp - Tham gia*: Rủi ro trong chuyển đổi xanh phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh thường mang tính liên ngành (môi trường, năng lượng, tài chính, xã hội...), do đó cần quản trị theo hệ thống, không chỉ ở một khâu riêng lẻ cần:

- Công khai minh bạch trong việc cung cấp thông tin rõ ràng và dễ tiếp cận về các rủi ro, chi phí – lợi ích và các biện pháp quản lý rủi ro để nâng cao sự đồng thuận xã hội.

- Trách nhiệm giải trình yêu cầu xác định rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong việc quản lý rủi ro và thực hiện các biện pháp ứng phó;



- Thích ứng linh hoạt trong theo dõi, đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản lý rủi ro để thích ứng với những thay đổi và thách thức mới trong quá trình chuyển đổi xanh. Chính sách và biện pháp quản trị phải cập nhật liên tục với bối cảnh biến đổi khí hậu, công nghệ mới, và thay đổi thị trường quốc tế.

Hình 2.6. Quản trị rủi ro trong phát triển xanh

- Chủ động, thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro; cân có những dự báo và xây dựng cơ chế phòng ngừa sớm, thay vì chỉ phản ứng khi có rủi ro xảy ra.

- Tích hợp, kết hợp các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường vào chiến lược quản lý rủi ro.

- Khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm cộng đồng, doanh nghiệp, và tổ chức xã hội dân sự, trong quá trình ra quyết định quản lý rủi ro.

(ii). Đặt rủi ro trong mối quan hệ kinh tế - xã hội - môi trường - công nghệ.

- Đánh giá tác động tiềm tàng của các rủi ro đối với nền kinh tế, xã hội, môi trường và các bên liên quan để giảm thiểu tác động

- Phát triển kinh tế xanh đòi hỏi sự thay đổi trong hành vi, nhận thức của người dân, doanh nghiệp, có thể dẫn đến thay đổi cơ cấu lao động, đòi hỏi đào tạo lại nguồn nhân lực.

- Mục tiêu chính của phát triển xanh là bảo vệ môi trường, tài nguyên và giảm phát thải, nhưng điều này có thể tạo áp lực lên các ngành kinh tế truyền thống.

- Phân tích khả năng xảy ra và mức độ nghiêm trọng của các rủi ro khi ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, yếu tố then chốt, nhưng đòi hỏi đầu tư lớn và năng lực tiếp cận công nghệ tiên tiến, đặc biệt là cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để ưu tiên hành động.

(iii). Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp, người dân.

- Thiết lập cơ chế hợp tác đối thoại ba bên: Nhà nước – Doanh nghiệp – Người dân tạo sự đồng thuận và chia sẻ trách nhiệm từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp và giảm thiểu mâu thuẫn trong giải quyết rủi ro phát sinh;

- Khi phát sinh rủi ro, phải công khai thông tin, tham vấn và đối thoại xã hội để tìm ra giải pháp tối ưu, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân tránh để một bên gánh chịu thiệt hại không hợp lý.

- Cân bằng lợi ích – chi phí: Áp dụng nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền; Lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường cần được cân nhắc đồng thời; không để việc ứng phó rủi ro chỉ đặt nặng lợi nhuận mà xem nhẹ môi trường và đời sống người dân.

d). Công cụ quản trị rủi ro trong chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh

(i). Công cụ nhận diện và phân tích rủi ro

- Ma trận rủi ro (Risk Matrix): Xác định khả năng xảy ra và mức độ tác động của rủi ro (môi trường, tài chính, xã hội, công nghệ...).

- Phân tích kịch bản (Scenario Analysis): Dự báo các tình huống biến động thị trường, khí hậu, chính sách.

- Phân tích SWOT/XSWOT xanh: Nhận diện điểm mạnh – điểm yếu – cơ hội – thách thức trong chuyển đổi xanh.

- Đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA – Life Cycle Assessment): Đo lường rủi ro phát sinh từ sản xuất, tiêu dùng, thải bỏ.

- Đánh giá tác động môi trường – xã hội (EIA/SIA): Xác định rủi ro từ dự án xanh đối với cộng đồng và hệ sinh thái.

(ii). Công cụ đo lường và định lượng rủi ro

- Chỉ số phát triển bền vững (SDGs Indicators): So sánh với chuẩn quốc tế, xác định khoảng cách rủi ro.

- Chỉ số tài chính xanh (Green Finance Indicators): Đo lường mức độ tiếp cận vốn xanh, chi phí vốn, rủi ro tín dụng xanh.

- Carbon pricing & ETS (Emissions Trading System): Định giá rủi ro phát thải và áp lực chi phí tuân thủ.

- Mô hình định lượng rủi ro (Monte Carlo Simulation, VaR xanh): Xác định khả năng thiệt hại tài chính từ rủi ro môi trường – khí hậu.

(iii). Công cụ quản trị và kiểm soát rủi ro

- Khung ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị); Khung quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM – Enterprise Risk Management): Lồng ghép rủi ro xanh vào chiến lược tổng thể.

- ISO 14001, ISO 26000, ISO 31000: Chuẩn quốc tế về quản lý môi trường, trách nhiệm xã hội và quản trị rủi ro.

- Hệ thống quản lý tuân thủ (Compliance Management): Kiểm soát rủi ro pháp lý từ quy định môi trường, năng lượng, phát thải.

- Chính sách bảo hiểm xanh (Green Insurance): Chia sẻ rủi ro thiên tai, rủi ro môi trường, rủi ro công nghệ xanh.

- Quỹ dự phòng và bảo lãnh xanh: Hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng trong trường hợp rủi ro lớn (thiên tai, sụt giảm thị trường xanh).

(iv). Công cụ tài chính và thị trường

- Trái phiếu xanh (Green Bond), Quỹ đầu tư xanh: Huy động vốn và phân bổ rủi ro cho dự án xanh.



Hình 2.7. Trái phiếu xanh, trụ cột của hệ thống tài chính xanh

- Cơ chế chứng chỉ các-bon, tín chỉ các-bon (Carbon Credits): Làm công cụ phòng ngừa tài chính giảm thiểu rủi ro từ quy định phát thải.

- Đối tác công – tư (PPP) xanh: Phân bổ rủi ro giữa Nhà nước và doanh nghiệp.

- Quỹ đầu tư xanh, khí hậu xanh (GCF), cơ chế REDD+: Hỗ trợ giảm rủi ro tài chính cho các quốc gia, doanh nghiệp trong phát triển bền vững.

(v). Công cụ truyền thông và tham vấn cộng đồng

- Tham vấn đa bên (Multi-stakeholder dialogue): Giảm rủi ro xã hội, xung đột lợi ích.

- Cơ chế công khai – minh bạch thông tin: Hạn chế rủi ro mất niềm tin xã hội.

- Truyền thông xanh, giáo dục cộng đồng: Giảm rủi ro từ sự phản đối xã hội hoặc thói quen tiêu dùng chưa xanh.

(vi). Công cụ đổi mới và công nghệ

- Chuyển đổi số trong quản trị rủi ro: Hệ thống giám sát số hóa, dữ liệu lớn Big Data, AI, Blockchain để dự báo, theo dõi rủi ro phát thải, năng lượng.

- Công nghệ dự báo khí hậu (Climate Modeling): Hạn chế rủi ro do thiên tai, BĐKH.

- Giải pháp công nghệ sạch – tiết kiệm năng lượng: Giảm rủi ro phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch.

Tóm lại, công cụ quản trị rủi ro trong chuyển đổi xanh – kinh tế xanh – tăng trưởng xanh bao gồm nhóm công cụ phân tích, định lượng, kiểm soát, tài chính – thị trường, cộng đồng và công nghệ. Chúng cần được kết hợp trong một khung quản trị tổng thể để bảo đảm phát triển bền vững, hạn chế thiệt hại và tối ưu hóa cơ hội xanh.

5. Các tiêu chí xác định dự án xanh, lĩnh vực xanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

a). Các tiêu chí xác định dự án xanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa: Một dự án được coi là “xanh” nếu đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

(i). Hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng: Sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, hoặc công nghệ tiết kiệm năng lượng; Giảm tiêu thụ điện, nước, nguyên liệu so với dự án thông thường.

(ii). Giảm thiểu phát thải và ô nhiễm: Giảm phát thải khí nhà kính, khí độc hại, nước thải, chất thải rắn; Có hệ thống xử lý chất thải đạt chuẩn, áp dụng mô hình tuần hoàn, tái chế.

(iii). Bảo tồn và phục hồi môi trường, sinh thái: Không gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học; Gắn với các hoạt động trồng rừng, phục hồi rạn san hô, bảo tồn tài nguyên biển (đặc biệt quan trọng đối với Khánh Hòa).

(iv). **Đóng góp cho phát triển xã hội – cộng đồng:** Tạo việc làm xanh, nâng cao sinh kế bền vững cho người dân; Cải thiện điều kiện sống, sức khỏe cộng đồng, đặc biệt ở vùng ven biển, hải đảo.

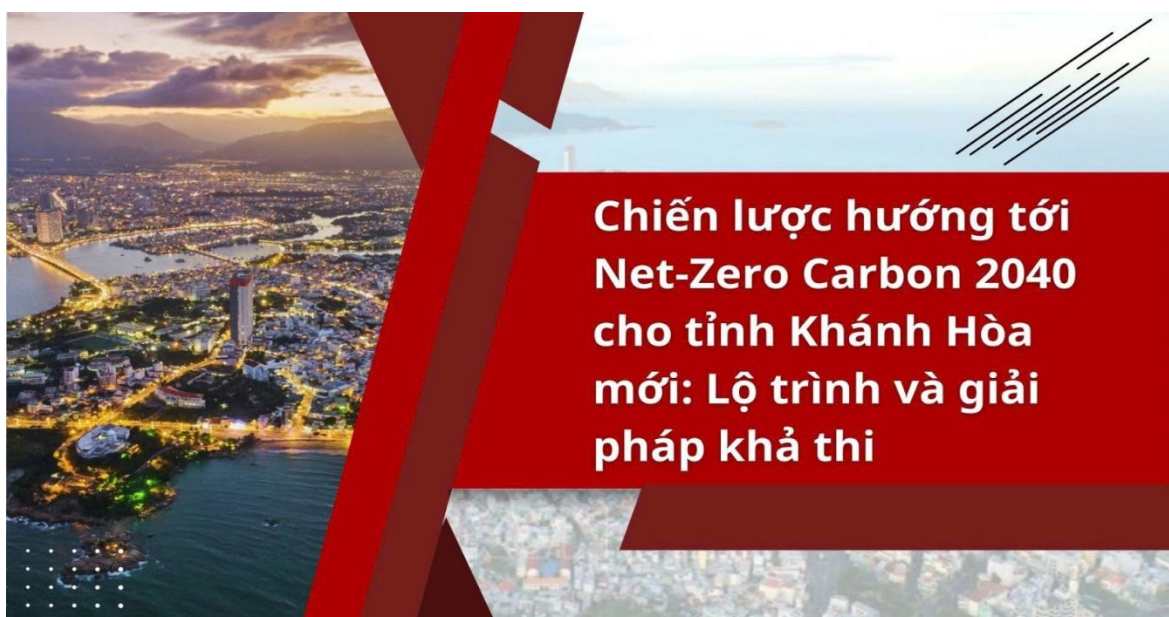
(v). **Khả năng thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu:** Hạn chế rủi ro thiên tai, nước biển dâng, xói lở bờ biển; Ứng dụng giải pháp hạ tầng xanh, công trình chống chịu khí hậu.

Như vậy, dự án xanh ở Khánh Hòa là những dự án đảm bảo sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm phát thải, bảo tồn thiên nhiên, thích ứng biến đổi khí hậu và đem lại lợi ích cộng đồng.

b). Lĩnh vực xanh ưu tiên tại tỉnh Khánh Hòa

Lĩnh vực xanh ưu tiên gồm: Du lịch sinh thái, năng lượng tái tạo, nông - ngư nghiệp bền vững, đô thị - hạ tầng xanh, quản lý môi trường và tài chính xanh.

(i). **Du lịch xanh:** Du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn thiên nhiên, văn hóa bản địa; Cơ sở lưu trú, dịch vụ đạt chuẩn tiết kiệm năng lượng, hạn chế rác thải nhựa.



Hình 2.8. Chiến lược hướng tới phát triển xanh của tỉnh Khánh Hòa

(ii). **Năng lượng và công nghiệp xanh:** Năng lượng tái tạo: điện mặt trời, điện gió ngoài khơi, điện sinh khối; Công nghiệp sạch, ít phát thải; khu công nghiệp sinh thái.

(iii). **Nông nghiệp và thủy sản xanh:** Nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao tiết kiệm nước; Nuôi trồng thủy sản bền vững, hạn chế thức ăn công nghiệp và hóa chất; Khai thác hải sản theo hướng có trách nhiệm, giảm đánh bắt hủy diệt.

(iv). *Hạ tầng và đô thị xanh*: Phát triển giao thông công cộng, xe điện, giảm phát thải các-bon; Công trình xây dựng xanh (vật liệu thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng); Hạ tầng ven biển, đảo có khả năng chống chịu biến đổi khí hậu.

(v). *Tài nguyên và môi trường*: Dự án bảo tồn rừng, trồng rừng ngập mặn, phục hồi rạn san hô, thảm cỏ biển; Dự án xử lý nước thải, chất thải rắn, chống ô nhiễm nhựa đại dương; Quản lý, khai thác tài nguyên biển – đảo bền vững.

(vi). *Tài chính xanh và đổi mới sáng tạo*: Hỗ trợ khởi nghiệp xanh, đổi mới công nghệ trong sản xuất sạch; Huy động vốn qua trái phiếu xanh, tín chỉ carbon, tín dụng xanh.

6. Giải pháp tạo lập môi trường, thúc đẩy thực hiện hệ giá trị xanh trong phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Để hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững, Khánh Hòa cần xây dựng môi trường chính sách, xã hội và kinh tế thuận lợi, thúc đẩy việc hình thành, lan tỏa và áp dụng hệ giá trị xanh trong mọi lĩnh vực phát triển.

(i). Xây dựng môi trường thể chế và chính sách

- Lồng ghép các mục tiêu xanh trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm.

- Ban hành, hoàn thiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế xanh, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, công nghiệp sạch.

- Xây dựng cơ chế, tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn phát triển bền vững và tuân thủ các quy định về môi trường

(ii). Hình thành và phát triển mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh.

- Phát triển các sản phẩm, dịch vụ xanh gắn với thế mạnh của tỉnh như du lịch sinh thái biển đảo, sản phẩm OCOP hữu cơ, thủy sản bền vững.

- Mở rộng các mô hình khu công nghiệp sinh thái, khu du lịch sinh thái, khu đô thị xanh.

(iii). Tạo lập môi trường xã hội – văn hóa xanh

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về lợi ích của hệ giá trị xanh trong đời sống và phát triển kinh tế.

- Phát huy vai trò của cộng đồng dân cư, đoàn thể, tôn giáo trong xây dựng lối sống xanh, tiêu dùng xanh và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, khuyến khích phát triển phong trào “mỗi người dân, mỗi gia đình là một hạt nhân xanh”, gắn với tiêu chí xanh trong chương trình nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh.

(iv). Phát triển môi trường khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quan trắc môi trường, cảnh báo thiên tai, quản lý tài nguyên biển – đảo.

- Thúc đẩy chuyển đổi số, sử dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo AI, IoT, Big Data,... trong giám sát môi trường trong quản lý phát triển bền vững.

- Xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo về kinh tế biển xanh, phát triển công nghệ năng lượng tái tạo và nông nghiệp sinh thái tại Khánh Hòa.

(v). Xây dựng môi trường hợp tác, liên kết đa chiều và huy động nguồn lực

- Huy động các nguồn lực xã hội hóa, tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ các-bon và nguồn vốn quốc tế.



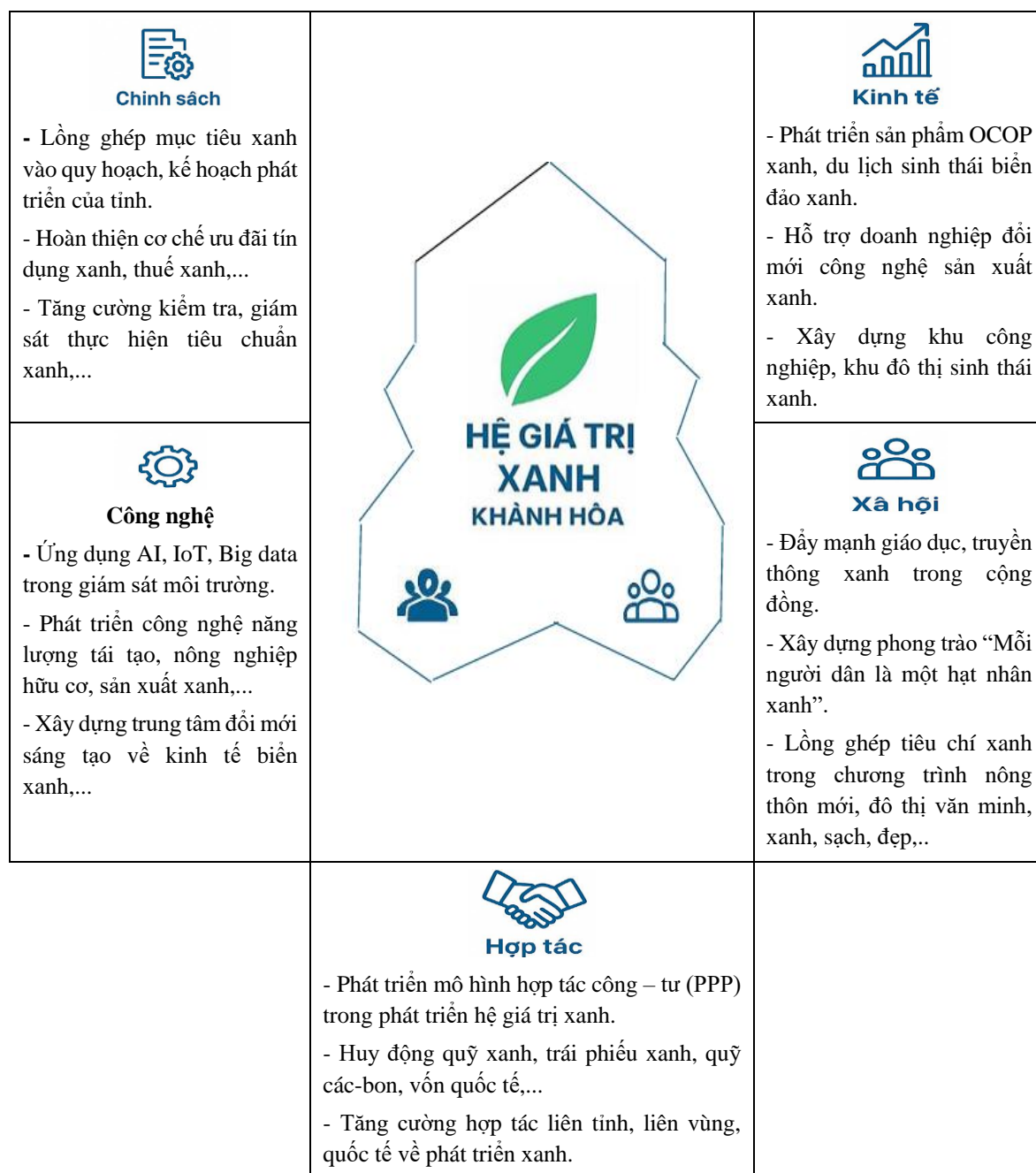
Hình 2.9. Ninh Chữ - Tiềm năng thu hút du lịch tại Ninh Chữ, góp phần tăng trưởng dịch vụ - du lịch của tỉnh

- Đẩy mạnh hợp tác công – tư (PPP) trong phát triển hạ tầng xanh, xử lý chất thải, bảo tồn biển và rừng ngập mặn.

- Tăng cường hợp tác liên vùng và quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm, tiếp nhận công nghệ và nguồn lực cho các chương trình phát triển xanh.

Tỉnh Khánh Hòa cần chủ động kiến tạo môi trường đồng bộ từ thể chế, kinh tế, xã hội, khoa học – công nghệ đến hợp tác quốc tế, nhằm thúc đẩy thực hiện hệ giá trị xanh. Đây là cơ sở quan trọng để Khánh Hòa đạt được mục tiêu phát triển

bền vững, trở thành trung tâm kinh tế biển, du lịch sinh thái và đô thị xanh của cả nước.



Hình 2.10. Ma trận giải pháp thúc đẩy “Hệ giá trị xanh” tại tỉnh Khánh Hòa

Phần 3

ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO VÀ TRUYỀN THÔNG NÂNG CAO NHẬN THỨC HỆ GIÁ TRỊ XANH

1. Tại sao phải đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức về hệ giá trị xanh

Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức lớn trong phát triển xanh, bao gồm thiếu hụt tài chính và nguồn vốn đầu tư cho công nghệ xanh, thiếu hụt công

nghệ tiên tiến, nguồn nhân lực chuyên môn cao, các vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu, cùng với đó là việc thực thi pháp luật chưa nghiêm và nhận thức của cộng đồng còn hạn chế đặt ra những yêu cầu và giải pháp:

- Đào tạo và truyền thông nâng cao nhận thức về hệ giá trị xanh có vai trò đặc biệt quan trọng trong giai đoạn nước ta hội nhập quốc tế trên mọi lĩnh vực hiện nay, chìa khóa để biến những mục tiêu xanh hành động thực tế, đảm bảo phát triển bền vững cho hiện tại và tương lai bởi đây là nền tảng cốt lõi để chuyển đổi từ cam kết chính sách sang hành động thực tế, đảm bảo sự thành công của các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia và toàn cầu (như Net Zero, Kinh tế tuần hoàn). Một trong những kết quả quan trọng của công tác đào tạo, truyền thông về hệ giá trị xanh không chỉ trang bị kiến thức mà còn nâng cao trình độ nhận thức, tri thức và sự đồng thuận trong xã hội về sự cần thiết của mục tiêu xanh.

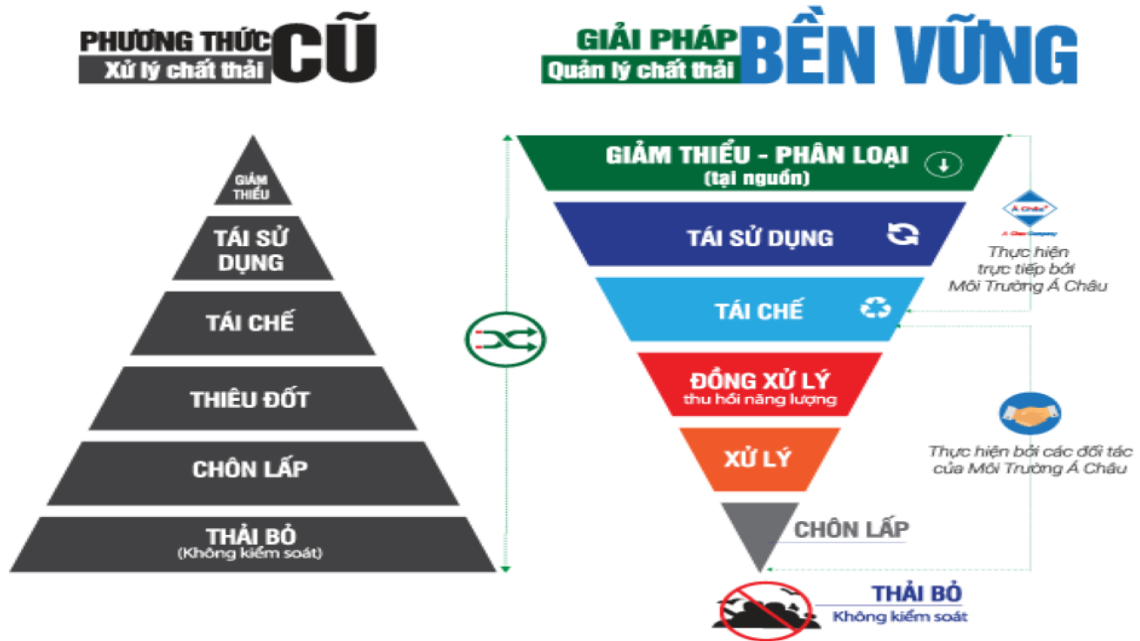
- Cuộc sống của con người gắn bó mật thiết với môi trường, việc thông tin cho mọi đối tượng cộng đồng về hệ giá trị xanh, tại sao cần, phải chuyển đổi xanh, phải thực hiện lối sống xanh, cần làm gì và làm thế nào để phát triển hệ giá trị xanh,...phải thông qua đào tạo và truyền thông và chỉ khi biết, hiểu được thế nào là hệ giá trị xanh, lợi ích khi thực hiện chuyển đổi xanh, thực hiện lối sống xanh, các quy định pháp luật về bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, thúc đẩy phát triển xanh là bắt buộc phải thực hiện từ đó tạo ra một áp lực xã hội, lôi cuốn họ cùng quan tâm đến việc tìm kiếm các giải pháp thay đổi, thúc đẩy phát triển xanh. Mục tiêu xanh, dù vĩ đại đến đâu, cũng chỉ là văn bản nếu không có sự tham gia và hành động của con người.

- Đào tạo giúp mọi người, từ lãnh đạo doanh nghiệp đến người lao động, sinh viên và cộng đồng thay đổi tư duy và thái độ, hiểu rõ ý nghĩa và lợi ích lâu dài của hệ giá trị xanh (như bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên, công bằng xã hội). Sự hiểu biết sâu sắc này sẽ chuyển hóa từ nhận thức mơ hồ thành niềm tin và thái độ tích cực, từ đó thúc đẩy hành vi thân thiện với môi trường trong công việc và đời sống hàng ngày (ví dụ: tiết kiệm điện, phân loại rác, ưu tiên sản phẩm xanh).

- Đào tạo cung cấp kỹ năng "xanh", trang bị những kỹ năng chuyên môn cần thiết cho quá trình thực hiện xanh (gọi là "kỹ năng xanh"). Điều này bao gồm kỹ thuật sản xuất ít các-bon, quản lý năng lượng hiệu quả, thiết kế bền vững, hay áp dụng công nghệ tuần hoàn,... Nếu thiếu những kỹ năng này, việc thực hiện các dự án xanh sẽ bị đình trệ.

- Quá trình chuyển đổi xanh (Green Transition) tạo ra nhu cầu lớn về "kỹ năng xanh" (Green Skills) ở mọi lĩnh vực - từ kỹ sư năng lượng tái tạo, chuyên gia tài chính xanh, đến quản lý chuỗi cung ứng bền vững. Đào tạo và chỉ có đào tạo là cách duy

nhất để trang bị kiến thức và kỹ năng giúp người lao động và doanh nghiệp hiểu và áp dụng các công nghệ và quy trình thân thiện với môi trường (như công nghệ sản xuất ít các bon, kinh tế tuần hoàn), để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa.



Hình 3.1. Sơ đồ giải pháp quản lý chất thải bền vững theo hệ giá trị xanh

- Truyền thông là cầu nối quan trọng để chuyển tải các chiến lược, mục tiêu vĩ mô của Chính phủ (như Chiến lược Tăng trưởng Xanh, cam kết Net Zero) đến mọi tầng lớp xã hội qua đó tác động đến nhận thức của công chúng, từ nhận thức sẽ tác động đến hành động và ứng xử, mà để nhận thức trở nên bền vững và hành vi được duy trì thường xuyên trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào đều đòi hỏi phải xây dựng, bồi đắp nhận thức nâng ý thức lên trở thành ý thức hệ và khi mà một ứng xử của công chúng được lặp đi lặp lại sẽ thành nề nếp, tập quán cuối cùng trở thành những chuẩn mực của xã hội điều đó cho thấy việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hệ giá trị xanh quan trọng như thế nào? và chỉ khi toàn xã hội, từ Nhà nước, doanh nghiệp đến người dân, đều hiểu và tin vào hệ giá trị chung của phát triển bền vững, có sự đồng thuận cao thì các nỗ lực xanh mới có thể đồng bộ và mang lại hiệu quả bền vững. Thực chất đây là quá trình cung cấp thông tin cho cộng đồng, người lao động về giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, cải thiện môi trường làm việc,... để cộng đồng (đối tượng truyền thông) có thể tiếp nhận, phân tích, xử lý, thích nghi, chuyển hóa từ "Biết" thành "Làm", trách nhiệm và hành động cụ thể (như tiêu dùng bền vững, tiết kiệm năng lượng, phân loại chất thải tại nguồn, ưu tiên sản phẩm xanh).

- Hành động xanh cần một sự đồng lòng trên quy mô lớn, truyền thông hiệu quả giúp phổ biến các chính sách, định hướng và kết quả đạt được, tạo ra áp lực tích cực từ cộng đồng. Khi người dân và doanh nghiệp nhận thấy lợi ích chung và sự cấp thiết, họ sẽ sẵn lòng hợp tác, ủng hộ và giám sát các hoạt động phát triển xanh. Ngoài ra trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến tính bền vững, truyền thông minh bạch về các cam kết và hành động xanh sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng hình ảnh thương hiệu uy tín bền vững (Green Brand) và thu hút nhà đầu tư xanh, nhóm khách hàng xanh (Green Consumers) như một phần của lối sống có trách nhiệm ngày càng gia tăng. Đồng thời, việc minh bạch hóa thông tin giúp doanh nghiệp tạo dựng niềm tin để cùng nhau xây dựng một nền kinh tế xanh và một xã hội bền vững hơn.

Tóm lại, đào tạo và truyền thông là đầu tư vào con người và tri thức - yếu tố quyết định để kích hoạt sự thay đổi từ cấp độ cá nhân đến cấp độ quốc gia, tạo ra nền tảng tri thức và văn hóa vững chắc để biến mục tiêu xanh thành một hiện thực sống động và lâu dài mang lại lợi ích kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và sự thịnh vượng cho cả cộng đồng.

2. Định hướng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi xanh

Trong bối cảnh các quốc gia trong đó có Việt Nam đang từng bước chuyển mình theo xu hướng chuyển đổi xanh, nhu cầu về một lực lượng lao động có trình độ, kỹ năng và tư duy xanh, bền vững trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Chính vì vậy, đầu tư cho giáo dục và đào tạo nhân lực xanh không chỉ là một yêu cầu trước mắt, mà còn là chiến lược lâu dài để bảo đảm tăng trưởng bao trùm và bền vững trong tương lai.

a). Quan điểm chung

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi xanh là một chiến lược then chốt nhằm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế xanh, hiện thực hóa mục tiêu chiến lược phát triển xanh tăng trưởng bền vững của tỉnh và quốc gia.

- Đặt con người, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao là trung tâm, yếu tố then chốt quyết định thành công của quá trình chuyển đổi xanh, vừa là mục tiêu vừa là động lực của chuyển đổi xanh; Đào tạo đội ngũ nhân lực xanh là "Đầu tư vào con người - Kiến tạo đội ngũ cho nền kinh tế tương lai" phục vụ cho chuyển đổi xanh của nền kinh tế xanh.

- Có chiến lược dài hạn cùng chính sách phù hợp, đầu tư thỏa đáng cho đào tạo nhân lực và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi hiệu quả, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa kinh tế và môi trường.

- Xây dựng đội ngũ trí thức, chuyên gia dẫn dắt quá trình đổi mới, sáng tạo phục vụ phát triển bền vững phù hợp với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu, năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn, cũng như các cam kết quốc tế (COP, SDGs);

- Cần đi đôi với đổi mới giáo dục – đào tạo; nguồn nhân lực phải đáp ứng yêu cầu hội nhập, có năng lực cạnh tranh, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thị trường lao động và tiến trình hội nhập quốc tế trong khu vực và toàn cầu.

- Lấy kỹ năng xanh và công nghệ xanh làm trọng tâm; Chú trọng phát triển kỹ năng số, công nghệ số, ứng dụng dữ liệu lớn, AI, IoT trong quản lý tài nguyên, tiết kiệm năng lượng và sản xuất thông minh, kỹ năng đổi mới sáng tạo, kỹ năng thích ứng cùng với hiểu biết về môi trường – xã hội và khả năng ứng dụng và làm chủ công nghệ xanh.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực xanh không chỉ hoạt động “một lần” nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động xanh mà phải mang tính đa tầng, liên tục và thích ứng, bảo đảm cả về số lượng và chất lượng, từ đào tạo cơ bản đến đào tạo chuyên sâu.

- Hướng tới mô hình “học tập suốt đời” để mỗi cá nhân đều có khả năng hình thành ý thức, thái độ và hành vi bền vững thích ứng, đáp ứng sự thay đổi với xu thế phát triển xanh.

b). Định hướng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi xanh

(i). Đa dạng hóa phương thức đào tạo

- Giáo dục chính quy phổ thông: Phát triển chương trình, đổi mới giảng dạy, tích hợp nội dung “kinh tế xanh – phát triển bền vững” vào chương trình từ phổ thông đến đại học để hình thành tư duy xanh cho thế hệ trẻ.

- Đào tạo nghề, trung cấp – cao đẳng: Tập trung đào tạo kỹ thuật viên, công nhân có kỹ năng thực hành, kỹ thuật nghề nghiệp trong các ngành xanh (sản xuất sạch, xử lý chất thải, vận hành năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ). Đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật trực tiếp phục vụ chuyển đổi xanh.

- Đào tạo đại học: Xây dựng các chương trình mới về kinh tế xanh, quản lý môi trường, quản trị năng lượng tái tạo; Trang bị cho sinh viên năng lực ứng dụng công nghệ số, công nghệ xanh trong quản lý và sản xuất.

- Đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ): Định hướng nghiên cứu và tư vấn chính sách về kinh tế tuần hoàn, tài chính xanh, quy hoạch phát triển bền vững; Phát triển đội ngũ chuyên gia, trí thức tham gia hoạch định và triển khai chiến lược chuyển đổi xanh ở cấp tỉnh, quốc gia và quốc tế.



Hình 3.2. Sơ đồ định hướng đào tạo nguồn nhân lực xanh

- Đào tạo cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, quản lý rủi ro và chính sách tài chính xanh.

(ii). Thúc đẩy sự tham gia của nhiều bên

- Hoàn thiện thể chế và chính sách đào tạo nhân lực xanh: Xây dựng khung chính sách quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi xanh, gắn với các chiến lược: Tăng trưởng xanh, năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn,...

- Ban hành tiêu chuẩn nghề nghiệp xanh, bộ kỹ năng xanh cho từng lĩnh vực (năng lượng, nông nghiệp, công nghiệp, tài chính, quản trị...) và thúc đẩy cơ chế liên kết Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp – Xã hội trong đào tạo.

(iii). Đổi mới chương trình và nội dung đào tạo

- Tích hợp kiến thức xanh vào chương trình giáo dục phổ thông và đại học (kinh tế xanh, lối sống xanh, tiêu dùng bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu,...).

- Xây dựng và phát triển các ngành, chuyên ngành học mới chuyên sâu liên quan đến chuyển đổi xanh, kinh tế xanh (công nghệ năng lượng tái tạo, tài chính xanh, công nghệ môi trường, quản lý các-bon, kinh tế tuần hoàn, quản trị kinh doanh xanh, nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái....)

- Thiết kế chương trình đào tạo nghề linh hoạt, ngắn hạn và trực tuyến gắn với thực hành xanh cho lao động trực tiếp: năng lượng mặt trời, điện gió, xử lý chất

thải, tái chế, vận tải xanh, tiêu dùng xanh,... nhằm nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng thực hành xanh cho lao động, cộng đồng, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Xây dựng chương trình đào tạo cần dựa trên 3 kiến tạo: Kiến tạo thể chế xanh bao trùm, công bằng, lấy thị trường làm trung tâm điều tiết và phân bổ nguồn lực là nền tảng; kiến tạo năng lực kinh tế xanh; kiến tạo khuôn khổ hợp tác quốc tế xanh và liên kết đa ngành, đa chủ thể.

- Phát triển kỹ năng chuyên môn xanh và kỹ năng mềm trong thiết kế - lắp đặt – vận hành công nghệ xanh; kỹ năng phân tích vòng đời sản phẩm; kiểm kê khí nhà kính; Hình thành tư duy hệ thống, lãnh đạo xanh, khởi nghiệp xanh, làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng và học tập suốt đời.

(iv). Tái đào tạo và chuyển đổi lực lượng lao động

- Tăng cường chương trình đào tạo lao động trong ngành có nguy cơ suy giảm (nhiệt điện than, khai khoáng, công nghiệp nặng) sang các ngành xanh.

- Triển khai các chương trình thực tập, học việc tại các doanh nghiệp tiên phong trong chuyển đổi xanh để sinh viên có kinh nghiệm thực tế; tổ chức bồi dưỡng nhanh, cấp chứng chỉ ngắn hạn để tạo cơ hội nghề nghiệp mới.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm và công nghệ xanh, xây dựng quỹ đào tạo nhằm hỗ trợ tái đào tạo.

(v). Tăng cường hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm

- Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế để trao đổi chuyên gia, xây dựng chương trình chuẩn hóa quốc tế.

- Mở rộng chương trình học bổng, trao đổi sinh viên trong lĩnh vực công nghệ xanh, quản lý môi trường.

- Tham gia các mạng lưới nhân lực xanh khu vực ASEAN và toàn cầu.

(vi). Cơ chế hỗ trợ và khuyến khích

- Chính sách ưu đãi về học bổng, học phí, tín dụng đào tạo cho sinh viên, học viên ngành học gắn với chuyển đổi xanh.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo tại chỗ, gắn kết với trường nghề, trường đại học hình thành mô hình “trường học trong doanh nghiệp xanh”.

- Liên kết đào tạo quốc tế để tiếp nhận tri thức và công nghệ tiên tiến; Xây dựng quỹ phát triển nhân lực xanh từ nguồn ngân sách, vốn ODA, xã hội hóa.

Tóm lại: Phát triển nguồn nhân lực xanh cần được triển khai một cách đồng bộ và chiến lược ở cấp quốc gia, ngành và doanh nghiệp và phải đi trước một bước,

toàn diện, linh hoạt, gắn với công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự tham gia, sự phối hợp và đồng hành của toàn xã hội, từ giáo dục phổ thông đến đào tạo nghề, từ cơ sở đào tạo - doanh nghiệp đến cộng đồng. Đây là nền tảng để hình thành lực lượng lao động có kỹ năng, tri thức và tư duy ý thức xanh, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

3. Nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức, điều chỉnh hành vi hướng tới hệ giá trị xanh trong phát triển bền vững

a). Mục tiêu

- Tạo ra chuyển biến nhận thức sâu rộng trong toàn xã hội; thay đổi nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp và cơ quan quản lý về tầm quan trọng của kinh tế xanh, phát triển xanh, tăng trưởng xanh.

- Hình thành hiểu biết đúng và lan tỏa hệ giá trị xanh, thói quen xanh và phát triển bền vững trong đời sống, kinh tế, xã hội, sản xuất và tiêu dùng.

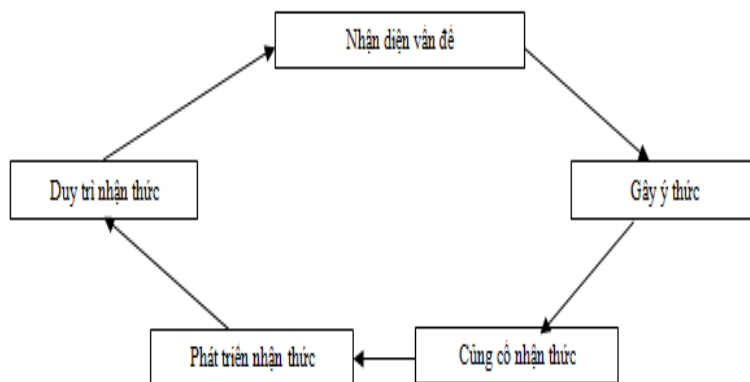
- Tạo đồng thuận xã hội, tăng trách nhiệm của cá nhân và tổ chức; Thúc đẩy hành vi tích cực, giảm dần các thói quen gây tổn hại môi trường, xã hội.

- Đưa Khánh Hòa trở thành địa phương đi đầu trong thực hiện hệ giá trị xanh (chuyển đổi thói quen sản xuất – tiêu dùng – sinh hoạt theo hướng thân thiện với môi trường), phát triển bền vững.

b). Các nguyên tắc truyền thông nâng cao nhận thức về hệ giá trị xanh

Có nhiều cách để triển khai việc tuyên truyền nâng cao nhận thức và điều chỉnh hành vi hướng tới hệ giá trị xanh (phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên) đến với cộng đồng đặc thù tỉnh Khánh Hòa dựa trên các nguyên tắc sau:

(i). Nguyên tắc tiếp cận: Cho đến nay, chưa có một nguyên tắc thống nhất nào trong công tác tuyên truyền về phát triển bền vững, chuyển đổi xanh, kinh tế xanh, lối sống xanh,... Điều đó là do tính hiệu quả của việc tuyên truyền tùy thuộc rất nhiều điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi địa phương, tổ chức và cộng đồng. Qua đúc kết một số kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền về phát triển bền vững và bối cảnh Việt Nam cho thấy: Đa dạng về hình thức và phương pháp để đạt hiệu quả cao, đặc biệt trong bối cảnh tỉnh đang hướng tới mục tiêu trở thành "Điểm đến Xanh" trên bản đồ du lịch thế giới là nguyên tắc tiên quyết và một số nguyên tắc có thể xem là hợp lý và có hiệu quả trong việc nâng cao ý thức cộng đồng để phát triển hệ giá trị xanh có thể tóm tắt qua sơ đồ sau:



Hình 3.3. Sơ đồ nguyên tắc nâng cao nhận thức cộng đồng hệ giá trị xanh

* **Nhân diện các vấn đề:** Qua làm việc với chính quyền địa phương và cư dân trong cộng đồng, các vấn đề về phát triển hệ giá trị xanh được nhiều người quan tâm sẽ được nhận diện. Để làm được chuyên này, người truyền thông cần phải được trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết về sản xuất xanh, chuyển đổi xanh, kinh tế xanh, lối sống xanh,...

* **Gây ý thức:** Nguyên nhân và hiệu quả của các vấn đề liên quan đến hệ giá trị xanh cần được trao đổi, bàn bạc với người dân nhằm giúp họ nhận thức được những tác động tích cực của việc thực hiện chuyển đổi xanh, sản xuất xanh, phát triển kinh tế xanh, lối sống xanh,... sẽ tác động đến đời sống, kinh tế, xã hội của họ nếu như họ không thay đổi hành vi trong sản xuất xanh, chuyển đổi xanh, kinh tế xanh, lối sống xanh mà hệ giá trị xanh sẽ đem lại. Trong bước này, nhiều hình thức và công cụ có hiệu quả phù hợp với sở thích, trình độ nhận thức của các nhóm đối tượng khác nhau trong cộng đồng cần được linh hoạt áp dụng.

* **Củng cố nhận thức:** Học qua hành, đó là phương châm giúp cộng đồng tăng cường hiểu biết thông qua hoạt động cụ thể (như tổ chức thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải, tuyên truyền thu gom, tái chế các sản phẩm thải bỏ là tài nguyên, sống xanh để bảo vệ sức khỏe cho chính mình,...) thấy rõ được khả năng của họ trong việc cải thiện môi trường sống của chính mình. Từ đó củng cố nhận thức về lĩnh vực phát triển các nội dung của hệ giá trị xanh.

* **Phát triển nhận thức:** Các hoạt động nâng cao nhận thức cần được tiếp tục duy trì qua hoạt động thường xuyên của các nhóm nòng cốt địa phương đã được huấn luyện và xây dựng bởi cán bộ môi trường và thực hiện tuyên truyền cấp cao hơn.

* **Duy trì nhận thức:** Đây là một mục tiêu rất khó nhưng cần phải hướng tới nhằm duy trì các thành quả đạt được trong quá trình xây dựng và nâng cao nhận thức cộng đồng. Các nhóm nòng cốt sẽ là lực lượng chính thay thế truyền thông viên để phối hợp với chính quyền và bàn bạc với cộng đồng để mở rộng các hoạt động nâng

cao nhận thức cũng như tiếp tục cải thiện môi trường sống của cộng đồng thông qua các hoạt động phát triển các nội dung của hệ giá trị xanh.

(ii). *Nguyên tắc chung về nhân sự*: Kinh nghiệm cho thấy ngoài vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chính trị, xã hội nghề nghiệp thì vai trò của các cộng tác viên xã hội và chuyên viên môi trường, lực lượng tuyên truyền viên môi trường đặt nền tảng trên các nhóm tình nguyện trẻ có sẵn hay lực lượng Đoàn thanh niên xã, phường, thị trấn,... và các nhóm tuyên truyền trong cộng đồng (nhóm thiếu nhi, học sinh, phụ nữ, người cao tuổi,...) là lực lượng chủ đạo cho hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức về chuyển đổi xanh, sản xuất xanh, kinh tế xanh, lối sống xanh,.. sẽ đem lại cho cộng đồng.

c). Nội dung truyền thông hệ giá trị xanh

Thứ nhất về nhận thức: Tuyên truyền sự cần thiết của việc chủ động nghiên cứu, tìm hiểu quy định của pháp luật về chủ trương, đường lối của Đảng, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước của tỉnh Khánh Hòa về phát triển bền vững hệ giá trị xanh; làm rõ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân đối với việc thực hiện chuyển đổi xanh, sản xuất xanh, kinh tế xanh, lối sống xanh,... để từ đó nghiên cứu, xây dựng, triển khai cụ thể các hình thức tiếp cận tuyên truyền về hệ giá trị xanh phù hợp với từng đối tượng, địa bàn thuộc phạm vi quản lý.



Hình 3.4. Tuyên truyền về liên kết để phát triển bền vững

- Giải thích rõ khái niệm, vai trò và lợi ích của hệ giá trị xanh đối với kinh tế, xã hội, môi trường.

- Nêu bật những tác động, cản trở rủi ro của phát triển "nâu" (biến đổi khí hậu, ô nhiễm, suy giảm đa dạng sinh học,...) tới mục tiêu phát triển bền vững đất

nước; những khó khăn, thách thức, sự cần thiết của việc thực hiện hệ giá trị xanh hiện nay.

Thứ hai về hành vi: Tuyên truyền để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng về tiêu dùng xanh, dùng sản phẩm thân thiện môi trường, hạn chế túi ni-lông, ưu tiên sản phẩm tuần hoàn,..

- Vận động thực hành lối sống xanh: Thúc đẩy sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường, phân loại chất thải tại nguồn, di chuyển bằng phương tiện công cộng hoặc xe đạp.

- Hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng ISO môi trường, sản xuất sạch hơn, báo cáo phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh các chương trình trách nhiệm xã hội và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR).

- Tuyên truyền, phổ biến gương điển hình, mô hình thành công trong nông nghiệp xanh, du lịch sinh thái, năng lượng tái tạo, tiêu dùng xanh, khích lệ đề xuất - khuyến khích giải pháp khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, chuyển đổi xanh, lối sống xanh,...

- Tuyên truyền đối ngoại, chia sẻ thông tin, phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh sinh thái, an ninh môi trường..., đồng thời giảm thiểu các tác động bất lợi từ quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

d). Đối tượng trọng tâm

- Người dân: nâng cao ý thức và thay đổi hành vi tiêu dùng, sinh hoạt.

- Doanh nghiệp: áp dụng sản xuất xanh, đổi mới công nghệ, quản trị rủi ro môi trường.

- Cán bộ quản lý: thúc đẩy chỉ đạo, điều hành dựa trên hệ giá trị xanh.

- Thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên: lan tỏa phong trào xanh, khởi nghiệp sáng tạo vì môi trường.

4. Phương pháp và hình thức truyền thông nâng cao nhận thức hướng tới hệ giá trị xanh trong phát triển bền vững tỉnh Khánh Hòa

a). Phương pháp truyền thông

Khi nói đến phương pháp truyền thông hiệu quả để nâng cao nhận thức và điều chỉnh hành vi hướng tới hệ giá trị xanh, có thể tập trung vào các nhóm sau:

(i). Phương pháp trực quan – sinh động:

- Sử dụng hình ảnh, infographic, video ngắn, phóng sự/clip hoạt hình để hiểu kể câu chuyện người dân/doanh nghiệp thay đổi và lợi ích nhận được.

- Tác động thị giác mạnh → dễ ghi nhớ, phù hợp cho cộng đồng rộng rãi (học sinh, khách du lịch, người dân).

(ii). Phương pháp tương tác – trải nghiệm

- Cho người dân, học sinh, doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào hoạt động: dọn rác bãi biển, trồng cây, mô phỏng phân loại rác.

- Workshop, tour trải nghiệm thực tế “cứu rạn san hô”, dọn rác bờ biển, mô phỏng xử lý rác giúp chuyển biến hành vi nhanh và bền hơn lý thuyết.

(iii). Phương pháp nêu gương – truyền cảm hứng

- Tôn vinh cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng điển hình tiêu biểu thực hiện “xanh” để nhân rộng.

- Câu chuyện thật + nhân vật cụ thể để tạo động lực cho những người khác làm theo.

(iv). Phương pháp lồng ghép – tích hợp

- Truyền thông kèm hướng dẫn cụ thể, “làm gì, ở đâu, liên hệ ai” khi muốn áp dụng giải pháp xanh.

- Đưa nội dung hệ giá trị xanh vào các chương trình có sẵn: giáo dục học đường, phong trào thanh niên, hoạt động du lịch, lễ hội văn hóa.

- Giúp tiết kiệm nguồn lực, dễ dàng lan tỏa mà không tạo cảm giác “chiến dịch riêng lẻ”.

(v). Phương pháp xã hội hóa – hợp tác đa bên

- Kêu gọi sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức xã hội, đoàn thể, cộng đồng dân cư.

- Phối hợp hợp tác công – tư (PPP) để vừa có nguồn lực, vừa tạo sự lan tỏa đồng bộ.

(vi). Phương pháp truyền thông số – mạng xã hội

- Tận dụng Facebook, TikTok, YouTube, Zalo... để lan truyền thông điệp xanh bằng clip ngắn, thử thách (#30 ngày xanh), minigame với phần thưởng hấp dẫn.

- Tiếp cận nhanh, chi phí thấp, đặc biệt hiệu quả với thanh thiếu niên.

(vii). Phương pháp đối thoại – tham vấn cộng đồng

- Tổ chức diễn đàn, hội thảo, tọa đàm với người dân và doanh nghiệp.

- Giúp truyền đạt thông tin hai chiều, giải đáp thắc mắc, tăng sự đồng thuận.

Bảng 3.1. Ma trận phương pháp truyền thông hiệu quả

Phương pháp	Ưu điểm & Ứng dụng thực tế tại Khánh Hòa
Trực quan – sinh động (infographic, pano, clip, phim tài liệu)	- Dễ hiểu, dễ nhớ, tác động thị giác mạnh. - Ứng dụng: Infographic về phân loại rác đặt tại bãi biển Nha Trang; clip 30 giây trên màn hình LED ngoài trời.
Tương tác – trải nghiệm (tham gia hoạt động thực tế)	- Người dân trực tiếp trải nghiệm → thay đổi hành vi nhanh. - Ứng dụng: Chương trình “Ngày Chủ nhật xanh” dọn rác ven biển, tour trải nghiệm “Cứu rạn san hô” tại Hòn Mun.
Nêu gương – truyền cảm hứng (tôn vinh điển hình tiên tiến)	- Tạo động lực, lan tỏa thông điệp qua hình mẫu. - Ứng dụng: Vinh danh khách sạn xanh ở Nha Trang; phóng sự về ngư dân Vạn Ninh giảm rác nhựa trong đánh bắt.
Lồng ghép – tích hợp (kết hợp với các hoạt động khác)	- Tiết kiệm chi phí, dễ tiếp cận qua hoạt động quen thuộc. - Ứng dụng: Lồng ghép thông điệp “Sống xanh” trong Lễ hội Biển Nha Trang; đưa nội dung bảo vệ môi trường biển vào chương trình giáo dục học đường.
Xã hội hóa – hợp tác đa bên (huy động nguồn lực cộng đồng, doanh nghiệp)	- Tăng hiệu quả, nguồn lực bền vững. - Ứng dụng: Doanh nghiệp du lịch tài trợ thùng phân loại rác tại Cam Ranh; hợp tác NGO tổ chức hội thảo về bảo tồn biển.
Truyền thông số – mạng xã hội (Facebook, TikTok, YouTube, Zalo)	- Lan tỏa nhanh, chi phí thấp, phù hợp giới trẻ. - Ứng dụng: Chiến dịch hashtag #KhanhHoaXanh trên TikTok; minigame “30 ngày sống xanh” trên Facebook.
Đối thoại – tham vấn cộng đồng (diễn đàn, hội thảo, tọa đàm)	- Truyền thông hai chiều, tăng sự đồng thuận. - Ứng dụng: Hội thảo “Du lịch xanh Khánh Hòa” với sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, chính quyền.

b). Hình thức truyền thông

- *Truyền thông đa phương tiện:* Sử dụng báo chí, đài phát thanh, truyền hình để phát sóng các chuyên mục, phóng sự về bảo vệ môi trường biển, sử dụng năng lượng sạch, và các mô hình kinh tế tuần hoàn thành công của địa phương; Sử dụng tạp chí chuyên ngành, phim tài liệu video ngắn, mạng xã hội (Facebook, TikTok, YouTube, Zalo, website chính thống), cổng thông tin điện tử để lan tỏa thông điệp

về "Hành động Xanh", "lối sống xanh", "tiêu dùng xanh" và "Con người Xanh" ở Khánh Hòa.

Ưu điểm: Lan tỏa nhanh, tạo độ tin cậy cao, có khả năng định hướng dư luận; Tiếp cận giới trẻ và cộng đồng rộng rãi.

- *Truyền thông trực tiếp cộng đồng*: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm các buổi sinh hoạt tổ dân phố, trường học, hội phụ nữ, đoàn thanh niên,... để phổ biến kiến thức về chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững; Thông qua các lớp tập huấn nhằm chia sẻ kinh nghiệm, thu hút sự tham gia của cán bộ, chuyên gia, doanh nghiệp và cộng đồng.

Ưu điểm: Tạo diễn đàn trực tiếp thảo luận, trao đổi kinh nghiệm, giải đáp chính sách liên quan đến hệ giá trị xanh

- *Giáo dục – đào tạo xanh*: Đưa nội dung chương trình giáo dục về hệ giá trị xanh vào trường học, cơ sở đào tạo nghề, chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, doanh nghiệp,...

Ưu điểm: Bền vững, định hình tư duy và hành vi lâu dài.

- *Truyền thông trực quan*: Lắp đặt pano, áp phích, bảng điện tử khẩu hiệu infographic, tranh cổ động tại nơi công cộng, điểm du lịch, trường học, cơ quan, doanh nghiệp và tuyến đường chính ở Nha Trang, Cam Ranh, Vạn Ninh, Phan Rang,... tập trung vào các thông điệp: *Giảm rác thải nhựa, Giao thông xanh, Tiết kiệm nước*,...

Ưu điểm: Trực quan, dễ hiểu dễ ghi nhớ, phù hợp với nhiều đối tượng tuyên truyền nên tăng, lâu dài.

- *Chiến dịch truyền thông đại chúng và phong trào xã hội*: Phát động và tổ chức thường niên các chương trình lớn như "Hành động Xanh - Vì tương lai Xanh" (tập trung vào 7 lĩnh vực: Âm thực, Giao thông, Lưu trú, Không gian, Vui chơi, Không khí, Con người xanh); Tổ chức các chiến dịch truyền thông chuyên đề “Tháng hành động vì môi trường”, “Ngày không túi ni-lông”, “Giờ Trái đất”, phong trào “Khu dân cư xanh – sạch – đẹp”; các buổi ra quân dọn dẹp bãi biển, trồng cây xanh, lắp đặt vòi cấp nước sạch công cộng để giảm chai nhựa, và các hoạt động "Chủ nhật Xanh" thu hút sự tham gia của người dân, học sinh, sinh viên, và khách du lịch.

Ưu điểm: Tạo cảm xúc tích cực, gây hiệu ứng truyền thông mạnh, kết hợp hoạt động thực tế, dễ chuyển hóa thành hành vi.

- *Huy động sự tham gia của cộng đồng*: Trong quá trình tổ chức các hoạt động truyền thông việc huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện mô hình của các tổ

chức đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp cần vận dụng mô hình năm nấc thang từ thấp đến cao như sau:

(i) Nấc thang thứ nhất: Các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp các cấp cung cấp thông tin để nâng cao nhận thức cộng đồng doanh nghiệp, dân cư có hiểu biết về môi trường thiên nhiên, sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, lối sống xanh,...

(ii) Nấc thang thứ hai: Các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp hướng dẫn cộng đồng doanh nghiệp, người dân chủ động thu thập thông tin có liên quan đến hệ giá trị xanh;

(iii) Nấc thang thứ ba: Các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp tổ chức các hình thức gặp gỡ lắng nghe ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp, dân cư: hội nghị, hội thảo, thảo luận nhóm, diễn đàn, đối thoại, tham vấn, tư vấn,... Nấc thang này sẽ biến cộng đồng doanh nghiệp, người dân từ thụ động chuyển sang tự nguyện; biến từ lúc cộng đồng doanh nghiệp, người dân chưa có nhu cầu thành có nhu cầu tham gia vào hoạt động truyền thông, phong trào và xây dựng mô hình chung tay khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững;

(iv) Nấc thang thứ tư: Cộng đồng doanh nghiệp, dân cư bắt đầu hợp tác để tham gia vào các hoạt động sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, lối sống xanh,...

(v) Nấc thang thứ năm: Cộng đồng doanh nghiệp, người dân chủ động và sáng tạo tham gia vào các hoạt động sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, lối sống xanh,...do chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp tổ chức

- *Xây dựng mô hình cộng đồng doanh nghiệp, dân cư trở thành đối tác tích cực*: Trong quá trình tổ chức các hoạt động huy động cộng đồng doanh nghiệp, người dân tham gia vào các hoạt động sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, lối sống xanh,... các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp cần vận dụng mô hình cộng đồng doanh nghiệp, người dân là đối tác tích cực theo ba cấp độ sau:

(i) Cấp độ thứ nhất: Cộng đồng doanh nghiệp, người dân là đối tượng hưởng lợi từ hoạt động. Đây là cấp độ thấp nhất, các chủ thể xã hội bước đầu chỉ huy động được cộng đồng doanh nghiệp, người dân tham gia như những người hưởng lợi từ hoạt động mang lại. Cộng đồng doanh nghiệp, người dân còn thụ động trong toàn bộ hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững;

(ii) Cấp độ thứ hai: Cộng đồng doanh nghiệp, người dân đã trở thành đối tác tham gia vào quá trình hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Đây là quá trình cao hơn cấp độ trước, cộng

đồng doanh nghiệp, người dân đã tham gia sâu hơn, trở thành đối tác thực sự của quá trình hoạt động. Cấp độ này, cộng đồng doanh nghiệp, người dân đã có nhận thức và biết rõ lợi ích của hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững;

(iii) Cấp độ thứ ba: Cộng đồng doanh nghiệp, người dân đã trở thành chủ thể, đã chủ động và tự giác tham gia hoạt động với vai trò khác hơn hai cấp độ trước – trong số họ đã có những doanh nghiệp, cộng đồng trở thành đầu tàu gương mẫu, trưởng nhóm, chủ nhiệm câu lạc bộ hoặc tuyên truyền viên, báo cáo viên, đồng đảng viên; có những đóng góp ý tưởng sáng tạo và nguồn lực phục vụ cho các hoạt động phát triển hệ giá trị xanh. Đây là cấp bậc cao nhất, cộng đồng doanh nghiệp, người dân đã trở thành chủ thể trong quá trình hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững do chính quyền, các cơ quan quản lý và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp tổ chức.



Hình 3.5. Làm gạch sinh thái từ chai nhựa

- Tổ chức các hoạt động phát huy dân chủ trong cộng đồng

(i). Tham vấn nhân dân: Tham vấn là hình thức phát huy dân chủ đối với nhân dân. Các đoàn thể nhân dân thực hiện các buổi tham vấn để nghe ý kiến nhân dân về phát triển hệ giá trị xanh. Khi người dân được tham vấn họ sẽ phấn khởi, tự tin và cảm thấy mình được tôn trọng. Từ đó họ có thể đưa ra các sáng kiến, kinh nghiệm và đề xuất những giải pháp để phát huy vai trò cộng đồng tham gia phát triển hệ giá trị xanh. Các đoàn thể nhân dân khi tham vấn cần chuẩn bị kỹ nội dung tham vấn, những vấn đề cần thảo luận với nhân dân, đối tượng được mời tham vấn. Có thể tổ chức tham vấn từng người dân và tham vấn theo từng nhóm nhỏ

(ii). Tổ chức diễn đàn: Diễn đàn là hình thức hoạt động tập thể nhằm huy động người dân tham gia thảo luận về thực trạng bảo vệ môi trường, những vấn đề môi

trường bức xúc và nêu sáng kiến huy động cộng đồng dân cư tham gia phát triển hệ giá trị xanh. Các đoàn thể nhân dân tổ chức diễn đàn cần xác định rõ mục đích, nội dung, đối tượng, thời gian, địa điểm và hình thức diễn đàn. Diễn đàn sử dụng hai hình thức sau:

- Hình thức chuyên gia, cán bộ lãnh đạo trực tiếp gặp gỡ, trao đổi, thảo luận với nhân dân những giải pháp trong việc phát triển hệ giá trị xanh;

- Hình thức gián tiếp là người dân nêu quan điểm, chính kiến của mình thông qua tổ chức, thông qua đại biểu dân cử, thông qua cơ quan thông tin đại chúng, thông qua gửi thư góp ý....



Hình 3.6. Diễn đàn Hội nghị lối sống xanh trong giới trẻ Việt Nam

Trong diễn đàn, các đoàn thể nhân dân có thể sử dụng một số hoạt động sau:

- Thảo luận nhóm: chia người dân thành các nhóm nhỏ để thảo luận sâu từng vấn đề. Sau đó sẽ tiến hành thảo luận trong cả diễn đàn;

- Đối thoại trong diễn đàn: người dân nêu vấn đề, các chuyên gia và cán bộ lãnh đạo trả lời;

- Tranh luận: người dân cùng nhau bàn luận để trao đổi qua lại những ý kiến trái ngược nhau nhằm tìm ra cái đúng;

- Giao lưu trong diễn đàn: là phương pháp gặp gỡ giữa người dân với chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ lãnh đạo, đại biểu dân cử để làm rõ hơn về phát triển hệ giá trị xanh;

- Lồng ghép trong diễn đàn: diễn đàn có thể phối hợp giữa nội dung này với nội dung khác, giữa đối tượng này với đối tượng khác, giữa hình thức này với hình

thức khác, giữa hoạt động này với hoạt động khác và giữa cơ quan này với cơ quan khác nhằm huy động sự quan tâm và cùng có trách nhiệm trong phát triển hệ giá trị xanh.

(iii). **Đối thoại với nhân dân:** Đối thoại nói chung là hình thức tương tác giữa nhân dân với cán bộ hoặc các cơ quan, đơn vị có liên quan đến phát triển hệ giá trị xanh. Đối thoại là hình thức có hiệu quả để các đoàn thể nhân dân nắm được tâm tư, nguyện vọng, những vấn đề bức xúc về môi trường đang nổi lên tại cộng đồng.

Trong hoạt động đối thoại, các đoàn thể nhân dân cần mời các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ quản lý, cán bộ chính quyền tham gia, xác định nội dung (chủ đề) đối thoại và thông báo nội dung đối thoại đến nhân dân, chuẩn bị địa điểm, thời gian thích hợp, huy động nhân dân tham gia. Các đoàn thể nhân dân có thể sử dụng hai hình thức sau để đối thoại với nhân dân: Đối thoại trực tiếp (nhân dân tham gia đối thoại trực tiếp với cán bộ và chuyên gia) và đối thoại gián tiếp (hình thức này được tổ chức thông qua các buổi đối thoại trực tuyến).

- *Doanh nghiệp và tổ chức xã hội:* Thực hiện truyền thông nội bộ về tiết kiệm năng lượng, phân loại rác, sản xuất sạch hơn; Phát hành báo cáo bền vững, tổ chức hoạt động CSR xanh.

Như vậy, sự kết hợp đa dạng hình thức và linh hoạt phương pháp sẽ giúp công tác tuyên truyền không chỉ dừng ở mức nâng cao nhận thức, mà còn định hướng và điều chỉnh hành vi thực tiễn của toàn xã hội theo hệ giá trị xanh.

Bảng 3.2. Ma trận hình thức – phương pháp – đối tượng truyền thông hệ giá trị xanh

Hình thức	Phương pháp	Đối tượng
Báo chí, truyền thông đại chúng (báo in, truyền hình, phát thanh)	Trực quan – sinh động (phóng sự, phim tài liệu), nêu gương – điển hình	Toàn dân, cán bộ quản lý, doanh nghiệp
Mạng xã hội, nền tảng số (Facebook, TikTok, YouTube, Zalo)	Tương tác – trải nghiệm (thử thách xanh, chiến dịch online), số hóa – công nghệ mới	Thanh niên, học sinh – sinh viên, cộng đồng mạng
Pano, áp phích, khẩu hiệu, tranh cổ động	Trực quan – dễ nhớ, định hướng hành vi (khẩu hiệu “Nói không với nhựa dùng một lần”)	Cộng đồng dân cư, hộ gia đình
Hội nghị, hội thảo, tọa đàm	Lồng ghép – tích hợp nội dung xanh trong thảo luận chính sách, chia sẻ mô hình thực tiễn	Cán bộ quản lý, doanh nghiệp, tổ chức xã hội

Hình thức	Phương pháp	Đối tượng
Sự kiện cộng đồng (Ngày Môi trường thế giới, Giờ Trái đất)	Trải nghiệm thực tế (trồng cây, dọn rác), xã hội hóa – huy động đa bên	Toàn dân, thanh thiếu niên, cộng đồng dân cư
Giáo dục – đào tạo	Lồng ghép vào chương trình học, hoạt động ngoại khóa, mô phỏng – trò chơi hóa	Học sinh, sinh viên, thế hệ trẻ
Doanh nghiệp, tổ chức xã hội	Truyền thông nội bộ, CSR xanh, báo cáo bền vững, nêu gương điển hình tiên tiến	Doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, cán bộ công nhân viên

c). Phương pháp điều chỉnh hành vi hướng tới hệ giá trị xanh

Phương pháp cần tập trung vào việc biến nhận thức thành thói quen và hành động cụ thể thông qua:

(i). Giáo dục và Đào tạo

- Lồng ghép vào chương trình giáo dục: Đưa nội dung về hệ giá trị xanh và du lịch bền vững vào chương trình giáo dục các cấp học và đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.

- Đào tạo chuyên đề: Tổ chức các lớp tập huấn cho các nhóm đối tượng:

- Doanh nghiệp Du lịch và Lưu trú: Đào tạo về tiêu chuẩn “Du lịch Xanh” và “Tiết kiệm Năng lượng/Nước” (Chứng nhận tiêu chuẩn xanh cho cơ sở kinh doanh).

- Cán bộ, Công chức: Nâng cao nhận thức về việc tiên phong sử dụng Giao thông Xanh (xe điện, xe đạp công cộng) và các chính sách phát triển bền vững.

- Người dân địa phương: Tập huấn về phân loại rác tại nguồn, sản xuất nông nghiệp hữu cơ (ví dụ: mô hình vườn nho, đồng cừu sạch).

(ii). Mô hình hóa và Thí điểm

- Xây dựng "Góc Xanh" và "Khu Phố Xanh": Chọn một số khu vực dân cư, trường học hoặc doanh nghiệp làm điểm thí điểm áp dụng toàn diện các tiêu chí xanh (sử dụng năng lượng tái tạo, xử lý nước thải tại chỗ, không rác thải nhựa).

- Khuyến khích mô hình xanh: Hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân, startup phát triển mô hình sản xuất xanh như nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái.

- Xây dựng cộng đồng xanh: Vận động người dân trồng cây, bảo vệ rừng, giảm sử dụng nhựa một lần, tham gia các hoạt động làm sạch biển, tái tạo san hô.

- Khen thưởng và Ghi nhận: Kịp thời tôn vinh, trao giải thưởng cho các cá nhân, tập thể có hành động xanh tiêu biểu (giải thưởng "Công dân Xanh", "Doanh nghiệp Xanh"), tạo động lực nhân rộng các điển hình tốt.

(iii). Chính sách và Quy định

- Sử dụng công cụ kinh tế: Áp dụng các chính sách khuyến khích sử dụng sản phẩm xanh (giảm giá/ưu đãi) và quy định hạn chế đối với hành vi gây ô nhiễm (ví dụ: cấm sử dụng túi ni-lông tại chợ và khu du lịch, thu phí rác thải dựa trên khối lượng).

- Minh bạch và Giám sát: Công khai kết quả giám sát môi trường, chất lượng không khí, và tiến độ thực hiện các mục tiêu xanh để người dân tham gia giám sát và điều chỉnh hành vi

d). Những yếu tố tác động đến hiệu quả truyền thông

Hiệu quả công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng phụ thuộc vào năm yếu tố sau:

(i) Người làm truyền thông, bao gồm: chuyên gia, các nhà khoa học, giáo viên, cán bộ của đoàn thể nhân dân các cấp, các tuyên truyền viên và báo cáo viên, cộng tác viên, đoàn viên và hội viên các cấp hội - là những người có kiến thức chuyên môn sâu về pháp luật, về khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; tự tin, yêu thích công việc, được quần chúng tín nhiệm, có kinh nghiệm và kỹ năng làm truyền thông trước công chúng;

(ii) Thông điệp truyền thông phải đảm bảo nội dung cụ thể, phù hợp với chủ đề khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; thông điệp phải ngắn gọn, rõ ràng, xúc tích, chính xác, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với nhận thức và nhu cầu của từng giai đoạn của quá trình thay đổi hành vi của đối tượng nhận truyền thông;

(iii) Kênh chuyển tải nội dung truyền thông, bao gồm: đoàn thể nhân dân và chính quyền các cấp; các đối tác phối hợp, hệ thống truyền thanh cơ sở, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở và cộng đồng dân cư, các cơ quan báo chí của trung ương và địa phương, trong đó có báo chí của đoàn thể nhân dân; thông qua hội nghị, hội thảo của đoàn thể nhân dân, chính quyền và cơ quan quản lý các cấp;

(iv) Người nhận truyền thông, bao gồm: cán bộ, đoàn viên, hội viên và người dân sinh sống, học tập, lao động trong cộng đồng.

Trong các đối tượng nhận truyền thông của cộng đồng về hệ giá trị xanh có thể phân thành các nhóm sau:

(-) Đối tượng ưu tiên hay còn gọi là đối tượng đích, gồm toàn bộ cộng đồng dân cư cần nâng cao sự hiểu biết, thay đổi hành vi theo hướng sống xanh, tiêu dùng bền vững, trong đó đặc biệt quan tâm đến lực lượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên (nhóm dễ tiếp thu, hình thành thói quen xanh hiện tại và tương lai lâu dài).

(-) Đối tượng có liên quan: Nhóm sản xuất – kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất thực hiện sản xuất xanh, đổi mới công nghệ, đầu tư vào các mô hình kinh tế xanh; Các hiệp hội ngành nghề lan tỏa và giám sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn xanh; Cha mẹ, bạn bè, thầy cô giáo, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, những người có uy tín trong cộng đồng,... Những đối tượng này có ảnh hưởng lớn, trực tiếp đến thay đổi hành vi của đối tượng ưu tiên thực hành và duy trì hành vi sống xanh.

(-) Đối tượng quản lý – hoạch định chính sách, là những cán bộ lãnh đạo của Đảng, chính quyền địa phương, các cấp quản lý, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức chính trị đoàn thể, hội nghề nghiệp ở địa phương, đơn vị;

(v) Nhóm truyền thông – giáo dục bao gồm nhà báo, cơ quan truyền thông, người làm truyền thông truyền tải thông điệp, hình mẫu tích cực, nhận câu hỏi và trả lời câu hỏi của người nhận truyền thông; Các giáo viên, giảng viên, nhà nghiên cứu đào tạo, lan tỏa kiến thức khoa học và thực tiễn.

(vi) Nhiều, là những yếu tố chủ quan và khách quan gây tác động đến hiệu quả truyền thông mà người làm truyền thông không mong muốn.



Hình 3.7. Họp bàn tổ dân phố về lối sống xanh

5. Giải pháp huy động cộng đồng tham gia thực hiện hệ giá trị xanh, phát triển bền vững

Hiện nay công tác bảo vệ môi trường nói chung, thực hiện hệ giá trị xanh nói riêng đang đứng trước thách thức to lớn, khi mà nhu cầu về sử dụng tài nguyên trong phát triển kinh tế gia tăng, về môi trường sống trong lành và an toàn luôn mâu thuẫn với nhu cầu hưởng thụ một đời sống vật chất sung túc. Nói cách khác, hoạt động thúc đẩy phát triển hệ giá trị xanh đang phải đối mặt với các mẫu thuẫn trong suy nghĩ, thái độ, hành vi giữa các nhóm người khác nhau trong xã hội, giữa người này với người khác và ngay cả trong bản thân một con người (vừa muốn phát triển để hưởng thụ nhiều hơn vừa muốn tiết kiệm để bảo tồn,...). Như vậy có thể thấy, để thực hiện hệ giá trị xanh thì không phải một cá nhân hay đơn vị nào làm được, mà phải cần đến sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng. Sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động xây dựng và thực hiện hệ giá trị xanh là một trong những giải pháp quan trọng của công tác quản lý, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, vì qua các cấp quản lý hành chính (từ Trung ương đến cơ sở) thì càng xuống cấp thấp hơn thì vai trò của các tổ chức cộng đồng và người dân càng trở nên quan trọng. Để thực hiện hiệu quả hệ giá trị xanh, cần 3 trụ cột đó là: Thể chế, kỹ thuật và nhận thức của cộng đồng người dân và doanh nghiệp trong đó:

a). Các nhà lãnh đạo cộng đồng

- Quán triệt, thông tin, truyền thông thường xuyên, liên tục bằng các hình thức phù hợp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc thực hiện hệ giá trị xanh đối với đời sống kinh tế, xã hội và môi trường cũng như các giải pháp phát huy vai trò cộng đồng trong khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững thông qua các chủ thể xã hội (các cấp ủy Đảng và chính quyền, cơ quan chức năng, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, trường học,...) để nâng cao và thống nhất nhận thức trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về thực hiện hệ giá trị xanh.

- Quan tâm, ủng hộ thông qua việc nghiên cứu xây dựng kế hoạch thực hiện hệ giá trị xanh riêng hoặc lồng ghép tuyên truyền và cơ chế phối hợp, hỗ trợ việc thực hiện hệ giá trị xanh trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Cần lập kế hoạch hàng năm hoặc dài hạn tùy theo điều kiện của từng địa phương và hệ thống tổ chức, trong đó cụ thể hóa về hoạt động, tổ chức thực hiện, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện hiệu quả hoạt động tuyên truyền.

- Tăng cường nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và lộ trình thu thập, sử dụng, phân tích thông tin nhằm hỗ trợ các ứng dụng, giải pháp công nghệ và truyền thông toàn diện, hài hòa gắn với mô hình thực hiện hệ giá trị xanh.

- Xây dựng chiến lược truyền thông về hệ giá trị xanh nhằm nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp và người dân về trách nhiệm của họ đối với các sản phẩm trong suốt vòng đời của chúng để giúp cho mọi người đều có ý thức và trách nhiệm đối về thực hiện hệ giá trị xanh.

- Nhấn mạnh vai trò của các cấp chính quyền, đầu mối trong công tác vận động, kêu gọi nguồn lực từ cấp trên và huy động nội lực của địa phương để đầu tư thích hợp cho các hoạt động tuyên truyền ở địa phương và sự phối hợp, hỗ trợ giữa các cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ tuyên truyền trên cơ sở kế hoạch chung được hoạch định hoặc phối hợp theo từng hoạt động (hỗ trợ nhân lực, kinh phí thực hiện, tài liệu ...) thực hiện hệ giá trị xanh đáp ứng yêu cầu của phát triển bền vững;

- Nghiên cứu, chọn lọc các mô hình thực hiện hệ giá trị xanh, các công nghệ sử dụng để thực hiện hệ giá trị xanh để tuyên truyền, giới thiệu, khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng trong sản xuất. Những mô hình ứng dụng thành công cần được tôn vinh, nhân rộng tại địa phương.

b). Các tổ chức CT-XH (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội LHPN Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,...)



Hình 3.8. Thúc đẩy phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn

- Tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền, HĐND cấp cơ sở nhằm xây dựng cơ chế phối hợp với các bên liên quan thực hiện kế hoạch hoạt động, cơ chế phối hợp liên ngành, liên tổ chức, giao nhiệm vụ, giám sát các hoạt động tuyên truyền thực hiện hệ giá trị xanh.

- Đảm bảo tổ chức triển khai đúng tiến độ và hiệu quả các kế hoạch phối hợp liên ngành gồm các nội dung trọng tâm:

+ Sử dụng và nâng cao năng lực vai trò, trách nhiệm cho cán bộ và mạng lưới tuyên truyền viên, tình nguyện viên, báo cáo viên, cộng tác viên trong các hoạt động tuyên truyền vận động chuyên đổi và thực hành các hành vi thuộc hệ giá trị xanh; huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện các mô hình triển khai cụ thể hệ giá trị xanh đã ứng dụng thành công trong sản xuất và đời sống. Tôn vinh, khen thưởng các tuyên truyền viên, báo cáo viên, cộng tác viên có thành tích, sáng kiến hữu ích trong tuyên truyền, hỗ trợ cộng đồng tiếp cận pháp luật thực hiện hệ giá trị xanh,...

+ Tập huấn giảng viên nòng cốt tuyển tỉnh/huyện/xã; tập huấn mạng lưới tuyên truyền viên, tình nguyện viên về việc triển khai thực hiện hệ giá trị xanh cho các nhóm đối tượng trong cộng đồng (tuyên truyền trên hệ thống loa đài, vận động tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nhà lãnh đạo, các nhà hảo tâm);

+ Sử dụng thiết chế văn hóa ở cơ sở và cộng đồng dân cư. Thiết chế văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... của các địa phương trong cả nước. Việc sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở và cộng đồng dân cư để lồng ghép công tác tuyên truyền, quảng bá lợi ích của hệ giá trị xanh sẽ tạo dư luận đồng thuận và ủng hộ của xã hội làm tăng hiệu quả tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hệ giá trị xanh.

- Tham gia các hoạt động kiểm tra, giám sát hỗ trợ liên ngành, liên tổ chức để hỗ trợ, nâng cao chất lượng, duy trì bền vững và nhân rộng mô hình thực tế về thực hiện hệ giá trị xanh trên các địa bàn của địa phương.

- Chia sẻ các kinh nghiệm hoạt động, các kết quả đạt được với các tổ chức xã hội tại địa phương để nhân rộng hoạt động tại địa phương và tạo sự đồng thuận của cộng đồng.



Hình 3.10. Thông điệp truyền thông phát triển kinh tế tuần hoàn góp phần thúc đẩy phát triển xanh

PHỤ LỤC 1
MẪU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN XANH

(Checklist áp dụng cho dự án đầu tư công và tư ở Khánh Hòa)

TT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu cơ bản
1	Phù hợp chiến lược – quy hoạch xanh	Dự án phù hợp Quy hoạch tỉnh, chiến lược tăng trưởng xanh, phát triển bền vững kinh tế biển, nông nghiệp xanh.
2	Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) – Khí hậu	Có báo cáo ĐTM; phân tích phát thải khí nhà kính; đề xuất biện pháp giảm thiểu và thích ứng BĐKH.
3	Hiệu quả sử dụng tài nguyên	Tối ưu hóa sử dụng đất, nước, năng lượng; áp dụng tuần hoàn (tái chế, tái sử dụng).
4	Công nghệ – quy trình sản xuất sạch	Ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, xử lý chất thải đạt chuẩn; khuyến khích công nghệ tái tạo, sạch.
5	Tỷ lệ năng lượng tái tạo	Có kế hoạch sử dụng điện mặt trời, gió, sinh khối hoặc nguồn tái tạo $\geq X\%$ tổng năng lượng.
6	Quản lý chất thải	Có phương án thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải, khí thải đạt chuẩn quốc gia.
7	Bảo tồn đa dạng sinh học – cảnh quan	Không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái (rạn san hô, rừng ngập mặn, khu bảo tồn...).
8	Tác động xã hội – cộng đồng	Tạo việc làm xanh, công bằng xã hội, tham vấn cộng đồng, bảo đảm quyền lợi người dân bị ảnh hưởng.
9	Minh bạch thông tin	Công khai báo cáo môi trường, giám sát độc lập, cơ chế tiếp nhận phản hồi từ cộng đồng.
10	Khả năng nhân rộng – đổi mới sáng tạo	Có tiềm năng nhân rộng mô hình, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp xanh.
11	Nguồn vốn và cơ chế tài chính xanh	Có nguồn vốn xanh (quỹ bảo vệ môi trường, ODA, PPP xanh), cam kết phân bổ ngân sách rõ ràng.
12	Giám sát, báo cáo định kỳ	Có cơ chế báo cáo KPIs môi trường – xã hội hàng năm, tích hợp vào hệ thống theo dõi của tỉnh.

PHỤ LỤC 2
BẢNG ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DỰ ÁN VÀ LĨNH VỰC XANH
(Áp dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Mức tối thiểu / Ghi chú
A. Tiêu chí chung cho dự án xanh			
1	Hiệu quả sử dụng năng lượng / tài nguyên	Sử dụng năng lượng sạch / tái tạo; công nghệ tiết kiệm năng lượng; sử dụng nước, nguyên liệu tái chế hoặc tiết kiệm	≥ 10-20 % tiết kiệm so với tiêu chuẩn hiện hành; nếu có năng lượng tái tạo thì đóng góp ≥ 30 % nhu cầu năng lượng dự án
2	Giảm thiểu phát thải & ô nhiễm	Dự án có hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, giảm phát thải khí nhà kính; hạn chế khí độc hại; kiểm soát ô nhiễm đầu nguồn	Phát thải khí nhà kính giảm ≥ 20-30 % so với mô hình thông thường; nước thải sau xử lý đạt QCVN; chất thải rắn tái chế hoặc tái sử dụng ≥ 50 % nếu có
3	Bảo tồn & phục hồi môi trường sinh thái	Không ảnh hưởng tiêu cực tới hệ sinh thái tự nhiên; nếu nằm gần rạn san hô, khu bảo tồn thì có kế hoạch bảo vệ/khôi phục; cây xanh, diện tích thảm thực vật; bảo tồn đa dạng sinh học	Diện tích cây xanh/ hệ thực vật chiếm ≥ 10-20 % tổng diện tích dự án; nếu liên quan đến rạn san hô thì thực hiện phục hồi hoặc bảo vệ với các biện pháp khoa học
4	Thích ứng biến đổi khí hậu/phòng chống thiên tai	Thiết kế chịu được bão, lũ, nước biển dâng; sử dụng hạ tầng xanh (ví dụ thoát nước tự nhiên, chiếu sáng công cộng tiết kiệm năng lượng)	Có đánh giá rủi ro khí hậu; áp dụng ít nhất một trong các giải pháp chống chịu khí hậu hoặc xanh hóa hạ tầng
5	Lợi ích xã hội & cộng đồng	Tạo việc làm tại địa phương; nâng cao điều kiện sống; đảm bảo công bằng; tham gia cộng đồng; có tác động tích cực tới sức khỏe, văn hóa	Dự án cam kết có % lao động bản địa ≥ 30 %; chi phí tác động cộng đồng được xem xét trong đánh giá; nếu có ảnh hưởng di dời thì có phương án bồi thường, hỗ trợ phù hợp
B. Lĩnh vực xanh ưu tiên			
6	Du lịch xanh	Du lịch sinh thái, lưu trú xanh, du lịch cộng đồng; hạn chế nhựa dùng một lần; tiết kiệm năng lượng nước; quản lý khách tại điểm du lịch nhạy cảm	Cơ sở lưu trú có tiêu chí tiết kiệm năng lượng ≥ 20 %; kế hoạch xử lý nước thải, rác thải rõ ràng; áp dụng nhãn xanh / chứng nhận du lịch bền vững nếu có

TT	Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Mức tối thiểu / Ghi chú
7	Năng lượng tái tạo	Dự án điện mặt trời, điện gió (trên bờ hoặc ngoài khơi), điện sinh khối, năng lượng tái sử dụng nhiệt, ...	Đạt chuẩn kỹ thuật quốc gia; công suất phù hợp quy hoạch điện của tỉnh/ quốc gia; đầu nối lưới có hiệu suất tốt
8	Nông – thủy sản xanh	Nông nghiệp hữu cơ; nuôi trồng thủy sản bền vững; thủy sản khai thác có trách nhiệm; sử dụng hóa chất, kháng sinh ở mức thấp; thân thiện môi trường	Có chứng nhận hữu cơ hoặc tiêu chuẩn tương đương; không sử dụng chất cấm; tỷ lệ tái sản xuất nguồn lợi $\geq 70-80\%$ nếu khai thác; sử dụng thức ăn và phân bón hữu cơ hoặc bán hữu cơ
9	Hạ tầng & đô thị xanh	Kiến trúc xanh; giao thông công cộng/ phương tiện sạch; hệ thống thoát nước – xử lý nước mưa; không gian xanh; quản lý đất đai bền vững	Công trình xây dựng xanh đạt bằng cấp hoặc chứng nhận (Green Building); $\geq 30\%$ diện tích cây xanh, mặt nước nếu có; dùng phương tiện giao thông sạch trong đô thị; thoát nước mưa đảm bảo tiêu chí chống ngập, ngăn xói lở
10	Quản lý môi trường & chất thải	Dự án có biện pháp phân loại, thu gom, xử lý rác thải; xử lý nước thải; hạn chế nhựa dùng một lần; kiểm soát ô nhiễm không khí và âm thanh	Rác thải rắn tỷ lệ tái chế $\geq 50\%$; nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quốc gia; chương trình giảm nhựa và túi ni-lông; tiếng ồn, bụi trong giới hạn cho phép
11	Tài chính xanh & đổi mới sáng tạo	Sử dụng nguồn vốn xanh, tín dụng ưu đãi; áp dụng công nghệ sạch; hỗ trợ R&D và sáng tạo nâng cao hiệu quả môi trường	Dự án có phần vốn xanh $\geq 20-30\%$ tổng vốn đầu tư; có kế hoạch ứng dụng sáng chế, công nghệ sạch được công nhận; nếu có thể, tham gia thị trường carbon hoặc tín chỉ các-bon

PHỤ LỤC 3

KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ Ở VIỆT NAM

TT	Ngành	Những biểu hiện
1	Nông, lâm, ngư nghiệp	- Mô hình VAC, mô hình VACR trong nông nghiệp...) hướng đến tận dụng Biomass...; mô hình thu gom phế phẩm nông nghiệp như thân các loại cây, rơm, vỏ trấu; mô hình bioaquatic trong nuôi trồng thủy sản..
2	Khai khoáng	- Tuần hoàn trong nội tại doanh nghiệp khai khoáng (ví dụ như Tập đoàn TKV Quảng Ninh tuần hoàn lại nước trong quá trình tuyển than giúp tiết kiệm nước, thu lại được than). - Theo vòng đời dự án, khi khai thác khoáng sản xong, các mỏ có thể được xây dựng làm khu du lịch, các loại đất đá khi khai thác tạo ra sẽ dùng để hoàn thổ hoặc sử dụng vào mục đích khác.
3	Lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo	Phát triển năng lượng điện mặt trời, năng lượng điện gió và năng lượng điện sinh khối với nguồn gỗ phế phẩm, phế phẩm ngành sản xuất mía đường để làm rượu, phát điện;
4	Công nghiệp chế biến, chế tạo	- Việc sử dụng tuần hoàn nước, các nguyên vật liệu... trong ngành đã được nhiều doanh nghiệp sử dụng. - Sản xuất ra các sản phẩm có các hợp phần dễ tháo rời để thuận tiện thay thế khi có một bộ phận bị hỏng, hạn chế lượng chất thải ra môi trường. - Các cửa hàng buôn bán đồ cũ, mô hình chuyển từ sản phẩm thành dịch vụ như trong lĩnh vực pin, ắc quy xe điện... một tác nhân trung gian quan trọng trong chuỗi giá trị gia tăng thúc đẩy KTTH.
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	- Xem xét dòng chảy của chất thải trong nền kinh tế, bản thân những hộ gia đình, các doanh nghiệp chính là tác nhân quan trọng trong mắt xích ứng dụng lý thuyết KTTH để tái sử dụng lại nguồn nước. - Các đơn vị thu gom, phân loại, xử lý chất thải đóng vai trò là trung gian trong thúc đẩy tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải do các hoạt động kinh tế, dân sinh gây ra. - Vai trò của các đơn vị xử lý chất thải đóng vai trò là trung gian trong thúc đẩy tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải do các hoạt động kinh tế, dân sinh gây ra.

TT	Ngành	Những biểu hiện
6	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	- Tín dụng xanh, trái phiếu xanh vừa là nguồn lực để thúc đẩy tuần hoàn, vừa là một sản phẩm tài chính có tiềm năng.
7	Xây dựng	- Xây dựng là ngành tạo ra khối lượng chất thải khá lớn nhưng đồng thời cũng là ngành có nhiều lợi thế trong việc tuần hoàn các loại chất thải trong quá trình xây dựng (Đất đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng như gạch, ngói, vữa, bê tông, vật liệu kết dính quá hạn sử dụng được tái chế làm vật liệu xây dựng hoặc tái sử dụng làm vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng hoặc chôn lấp trong bãi chôn lấp chất thải rắn xây dựng).
8	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	- Hệ thống đặt cọc hoàn trả trong chuỗi bán hàng cũng là một tác nhân cần được thúc đẩy cho việc ứng dụng lý thuyết của KTTH thu hồi lại được các sản phẩm để có thể tái chế. - Các ngành nghề buôn bán phụ tùng, sửa chữa là tác nhân để kéo dài vòng đời sản phẩm, hướng tới mục đích của KTTH.
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	- Sự tuần hoàn của các cơ sở cung cấp dịch vụ lưu trú và ăn uống như các nhà hàng, khách sạn (ví dụ dùng thức ăn thừa của khách hàng làm thức ăn chăn nuôi) giúp hạn chế rác thải thực phẩm, tận dụng tốt nguồn thức ăn, tiết kiệm chi phí chăn nuôi.
10	Giáo dục và đào tạo	- Giáo dục và đào tạo là ngành nghề giúp nâng cao nhận thức của lớp trẻ về KTTH (“kế hoạch nhỏ”, “tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa, lốp xe, làm chậu trồng cây...”)
11	Thông tin và truyền thông	- Thông tin và truyền thông giúp nâng cao nhận thức của người dân về KTTH, góp phần thúc đẩy sự sáng tạo nhiều mô hình tuần hoàn.
12	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ giúp nghiên cứu được các kinh nghiệm trong nước và quốc tế, các mô hình KTTH có thể áp dụng, góp phần tìm ra hướng đi đúng đắn của KTTH. Các công nghệ nghiên cứu góp phần ứng dụng, thúc đẩy chuyển hóa sang nền KTTH.
13	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	- Các hoạt động cho thuê xe cộ, máy móc, thiết bị, gián tiếp ủng hộ lý thuyết của KTTH, hạn chế sản xuất, rác thải...
14	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	- Rác thải từ y tế là loại rác thải đặc biệt, cần có quy trình thu gom và xử lý đúng tiêu chuẩn. Lượng rác thải y tế một năm

TT	Ngành	Những biểu hiện
		thải ra rất lớn, do đó, việc nghiên cứu, ứng dụng KTTH vào ngành y tế là cần thiết.
15	Tiêu dùng và hoạt động dịch vụ khác	- Hoạt động của lĩnh vực sửa chữa các đồ dung, điện, điện tử; cũng là một khía cạnh mà KTTH hướng tới vì giúp kéo dài vòng đời các sản phẩm. - Mô hình tiêu dùng xanh ra đời theo hướng sử dụng sản phẩm có khả năng tái tạo, tiết kiệm năng lượng như dùng ống hút cỏ, không sử dụng túi ni lông, thiết kế nhà xanh...
16	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	- Hoạt động nghiên cứu về KTTH của các cơ quan, tổ chức quốc tế sẽ góp phần tìm được hướng đi đúng đắn, thúc đẩy KTTH tại Việt Nam.
17	Vận tải kho bãi	- Đây là ngành gián tiếp giúp vòng tuần hoàn có thể diễn ra.

(Nguồn: Viện Chiến lược Chính sách tài nguyên và môi trường, 2019)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo kinh tế tuần hoàn (HSF -14/11/2020) - Viện Chiến lược, chính sách Tài nguyên môi trường.
2. Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/01/2009 của Ban Chấp hành Trung về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41 của Bộ Chính trị khóa IX về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
3. Chu, T. K. L. (2022), *Tổng quan về hành vi tiêu dùng xanh*. Tạp chí Kinh tế & Phát triển.
4. Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 23/02.2022 của Tỉnh ủy Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
5. Du Lịch, K. (2019), *Các xu hướng nghiên cứu marketing xanh: lý thuyết và vận dụng*, Tạp chí HUIJOS – Khoa học xã hội.
6. Đỗ Phú Hải (2018), *Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và kinh tế xanh ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, T.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
8. Kế hoạch số 10282/KH-UBND ngày 5/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về hành động về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
9. Kế hoạch số 171-KH/TU ngày 24/11/2023 của Tỉnh ủy về xây dựng Đề án về chuyển đổi xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024 – 2030;
10. Kế hoạch số 11891/KH-UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phát triển du lịch xanh và bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030.
11. Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27/2/2025 của Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh
12. Mai Văn Sỹ và Nnk (2025), *Phát triển khu công nghiệp sinh thái, Kiến tạo tương lai xanh cho Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
13. Nghị quyết 24-NQ/TW, ngày 3/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI ban hành về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

14. Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”.
15. Hồ Huy Tựu, Nguyễn Văn Ngọc & Đỗ Phương Linh (2018). *Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân Nha Trang*. Tạp chí Kinh tế Đối ngoại.
16. Hoàng Thị Bảo Thoa (2017). *Những nhân tố ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa ý định và hành vi mua xanh của người tiêu dùng Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Nguyễn Gia Thọ (2019). *Chính sách tiêu dùng xanh ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Quản lý Kinh tế, Viện Nghiên cứu Quản lý Trung ương.
18. Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.
19. Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam.
20. Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/06/2022 của Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.
21. Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025
22. Quyết định Số 2690/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đề án “chuyển đổi xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2030”;
23. Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành “Bộ tiêu chuẩn du lịch xanh”.
24. Arias, C. (2024). *The Role of Value in Extending the Lifetime of Products* (Nghiên cứu về perceived value & green consumption) *Sustainability*
25. Al Mamun, A., et al. (2025). *The nexus of environmental values, beliefs, norms and green consumption intention. Humanities & Social Sciences Communications*.
- Essiz, O. (2023). *Exploring the Value-Action Gap in Green Consumption. International Journal of Sustainable Development & World Ecology* (hoặc tạp chí tương đương).
26. Jun, et al. (2022). *Green Consumption Values, Social Appreciation, and Green Purchasing Behavior. Smart and Sustainable Circuits and Systems*.

27. EC (2016), "*Circular economy: Closing the loop - An EU action plan for the circular economy*", ed: European Commission.
28. Gao, R., et al. (2022). *The role of farmers’ green values in creation of green technology adoption behaviour. PMC / Public domain (Open access)*
29. Liu, Y. (2024). *Deciphering the environmental values behind green consumption. Journal of Cleaner Production.*
30. OECD (2011), *Towards Green Growth.*
31. Potrashkova, et al (2024). *Identifying the system of value factors of green consumer choice.*
32. Risitano, M (2023), *Analysing the impact of green consumption values on consumer–brand relationships in driving intentional behaviour.*
33. Wang, X (2023), *The Effect of Green Values on Green Consumption Behaviour.*
34. Sivapalan, A (2021), *A consumer values-based approach to enhancing green consumption.*
35. UNEP (2011), *Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication*, www.unep.org/greeneconomy
36. UNESCAP (2012), *Green Growth, Resources and Resilience.*
37. <https://www.monre.gov.vn>; <https://moit.gov.vn>; www.tapchimoitruong.vn; <https://ktpt.neu.edu.vn>; <https://rrsd.org.vn>; <https://tapchitaichinh.vn>,...

Chỉ đạo nội dung: Bùi Minh Sơn

Ban biên tập

1. PGS.TS. Nguyễn An Thịnh
2. TS. Hoàng Quốc Lâm
3. Ks. Nguyễn Thị Thu Hoài
4. Ks. Trần Thanh Trúc